

**TỜ TRÌNH**

**Về việc bổ sung hồ sơ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Trà Vinh  
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Tiếp theo Tờ trình số 2794/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tờ trình số 3721/TTr-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 6212/VPCP-QHĐP ngày 14 ngày 8 tháng 2023 của Văn phòng Chính phủ về việc rà soát tổng thể Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; theo đề nghị của Văn phòng Chính phủ tại Phiếu báo số 2179/PB-VPCP ngày 12 tháng 9 năm 2023; Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh trình bổ sung hồ sơ phê duyệt Quy hoạch tỉnh, như sau:

Qua tổng hợp, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh nhận được 48 ý kiến rà soát, góp ý của các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Xây dựng. Trên cơ sở nghiên cứu các ý kiến của các Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh đã tiếp thu, điều chỉnh theo 35 ý kiến, giải trình 10 ý kiến và bảo lưu 03 ý kiến đóng góp. Trong đó:

TT	Tên Bộ	Số ý kiến	Trong đó		
			Tiếp thu, chỉnh sửa	Tiếp thu, giải trình	Bảo lưu
1	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	14	12	1	1
2	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4	3	1	
3	Bộ Giao thông Vận tải	6	4	2	
4	Bộ Công Thương	6	4	1	1
5	Bộ Tài nguyên và Môi trường	14	11	2	1
6	Bộ Nội vụ	2	1	1	
7	Bộ Xây dựng	2		2	
<b>Tổng cộng</b>		<b>48</b>	<b>35</b>	<b>10</b>	<b>3</b>

Đồng thời, tỉnh giải trình bổ sung nội dung tại phụ lục Phương án triển ngành, lĩnh vực kèm theo dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh; đến nay tỉnh đã hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh; dự thảo

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Dự thảo Quyết định gồm những nội dung chính sau:

## **I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH**

Phạm vi ranh giới quy hoạch tỉnh Trà Vinh bao gồm toàn bộ lãnh thổ đất liền tỉnh Trà Vinh và phần không gian biển được xác định theo Luật Biển Việt Nam năm 2012, Luật Tài nguyên, môi trường biển và Hải đảo năm 2015, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và Hải đảo.

## **II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ CÁC ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN**

### **1. Quan điểm**

a) Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030; phù hợp với quy hoạch, kế hoạch cấp quốc gia, quy hoạch, kế hoạch ngành quốc gia; quy hoạch không gian biển; quy hoạch, kế hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

b) Khai thác hiệu quả tiềm năng khác biệt, cơ hội nổi trội, lợi thế cạnh tranh của tỉnh, đặc biệt là kinh tế biển, những lợi thế liên kết vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước để phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững dựa trên phát triển kinh tế biển, các ngành sản phẩm có lợi thế, hệ thống đô thị và vùng động lực; lấy kinh tế nông nghiệp làm nền tảng, kinh tế biển làm động lực cho phát triển; tham gia sâu vào các chuỗi liên kết và các trung tâm đầu mối sản phẩm của vùng và cả nước; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế - xã hội, kinh tế biển gắn với bảo vệ tài nguyên và bảo đảm nguồn nước.

c) Huy động tối đa mọi nguồn lực để tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng và phát triển kinh tế biển; áp dụng các mô hình kinh tế mới, hiện đại, ứng dụng công nghệ cao trong các ngành trồng trọt, nuôi trồng thủy, hải sản; công nghiệp sản xuất năng lượng sạch và công nghiệp ven biển; du lịch và dịch vụ cảng sông, biển, dịch vụ logistics.

d) Thực hiện đổi mới, sáng tạo nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành gắn với phát triển kinh tế số, xã hội số, chính quyền số; nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Tăng cường đầu tư phát triển giáo dục - đào tạo; hình thành các khu chức năng về khoa học công nghệ; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa của các dân tộc trên địa bàn tỉnh; bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

### **2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030**

#### **a) Mục tiêu tổng quát**

Trà Vinh là tỉnh phát triển ở mức trung bình cao, nằm trong nhóm đầu của vùng đồng bằng sông Cửu Long, có kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại kết nối vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước; phát triển kinh tế biển, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa của các dân tộc; người dân có cuộc sống phồn vinh, ấm no, hạnh phúc.

b) Một số chỉ tiêu cụ thể

- Về kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đạt khoảng 11,5%/năm; trong đó ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản đạt 3,32%/năm, ngành công nghiệp – xây dựng đạt 15,49%/năm, ngành thương mại - dịch vụ đạt 10,81%/năm. GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành) đạt 148 triệu đồng vào năm 2030. Thu ngân sách trên địa bàn tăng từ 12% đến 15%/năm.

+ Tỷ trọng trong GRDP của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 17,98%; công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 46,14%; dịch vụ chiếm khoảng 33,00%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm khoảng 2,88%.

+ Giá trị xuất khẩu đạt khoảng 1.700 đến 1.800 triệu USD vào năm 2030.

+ Huy động vốn đầu tư toàn xã hội cả thời kỳ đạt từ 350 nghìn tỷ đến 400 nghìn tỷ đồng.

- Về xã hội:

+ Tốc độ tăng trưởng dân số bình quân 0,75 %/năm.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có cấp bằng, chứng chỉ đạt 40% vào năm 2030.

+ Năng suất lao động tăng bình quân 11,65%/năm.

+ Giải quyết việc làm mới hàng năm cho 30.000 lao động.

+ Phần đầu đến năm 2030 có khoảng 73% trường mầm non, 89% trường tiểu học, 70% trường trung học cơ sở và 91% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

+ Phần đầu đạt 35 giường bệnh/vạn dân; 14 - 16 bác sỹ/vạn dân.

+ Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% vào năm 2030.

+ Tỷ lệ hộ nghèo đạt chuẩn đa chiều giảm bình quân mỗi năm 1 - 1,5%/năm.

+ Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,75 trở lên.

- Về bảo vệ môi trường:

+ Tỷ lệ sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt của dân cư ở khu vực đô thị đạt 99% trở lên; ở khu vực nông thôn đạt khoảng 85%.

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn ở đô thị đạt 99% trở lên; ở nông thôn đạt khoảng 90%.

+ Các khu đô thị có hệ thống tuyến cống thu gom và xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn.

+ Tỷ lệ che phủ rừng đạt 4,5%.

- Về phát triển hệ thống đô thị, nông thôn:

+ Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 40% vào năm 2030.

+ Hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trước năm 2025.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

### **3. Tầm nhìn đến năm 2050**

Trà Vinh là tỉnh phát triển cao của vùng đồng bằng sông Cửu Long, có trung tâm kinh tế biển hiện đại và trung tâm năng lượng sạch của vùng đồng bằng sông Cửu Long, thích ứng với biến đổi khí hậu; có các đô thị biển phát triển, hiện đại; hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ và các khu chức năng kết nối hiệu quả với vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. Văn hóa, xã hội văn minh, hiện đại; quốc phòng, an ninh được bảo đảm; người dân có cuộc sống phồn vinh, văn minh, hạnh phúc.

### **4. Các đột phá phát triển**

- Đổi mới tư duy lãnh đạo, quản lý, điều hành của chính quyền các cấp và tư duy kinh tế của doanh nghiệp, người dân; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, kinh tế số, xã hội số, chính quyền số; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là trong các ngành quan trọng như: thủy sản, nông nghiệp hữu cơ, du lịch, cảng biển, logistics, năng lượng sạch. Thực hiện hiệu quả liên kết với các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu chuyên sâu kết hợp chuyển giao khoa học công nghệ đáp ứng các mục tiêu phát triển.

- Ban hành các cơ chế, chính sách nhằm huy động tối đa, hiệu quả mọi nguồn lực để đầu tư phát triển, tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi hiện đại, trọng tâm là các tuyến giao thông kết nối liên tỉnh, liên huyện, các tuyến đường thủy nội địa và hệ thống cảng, các công trình phòng chống thiên tai, nguồn nước ngọt cho sinh hoạt và sản xuất, kiểm soát xâm nhập mặn.

## **III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ, XÃ HỘI**

### **1. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng**

a) Công nghiệp: Phát triển nhanh, bền vững theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ mới, thân thiện với môi trường gắn với lợi thế kinh tế biển.

Phát triển các ngành công nghiệp chủ yếu sau:

- Công nghiệp năng lượng: Phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới thành trung tâm năng lượng sạch của vùng đồng bằng sông Cửu Long; khai thác tối đa công suất các nhà máy nhiệt điện hiện có, từng bước nâng cao tỷ trọng nguồn điện sản xuất từ nguồn năng lượng tái tạo, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng cho phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền Nam.

- Công nghiệp chế biến nông, thủy sản: Mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, nâng cao công suất các nhà máy hiện có; xây dựng các nhà máy chế biến mới có công nghệ hiện đại gắn với vùng nguyên liệu; đa dạng hóa các sản phẩm chế biến, nâng tỷ lệ sản phẩm chế biến sâu để nâng cao giá trị các sản phẩm xuất khẩu;

đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ vào chế biến, bảo quản nông sản.

b) Dịch vụ: Phát triển nhanh, đa dạng các loại hình dịch vụ theo hướng hiện đại, chất lượng cao. Tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, đẩy mạnh tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu ngành. Trong đó:

- Thương mại: Phát triển dịch vụ thương mại, nâng cao khả năng tham gia điều tiết, cân đối cung cầu, lưu thông hàng hóa bảo đảm thông suốt, đáp ứng đầy đủ các mặt hàng phục vụ sản xuất và đời sống người dân; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thương mại điện tử; chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, tăng cường xúc tiến thương mại, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu.

- Du lịch: Trà Vinh trở thành điểm đến hấp dẫn của vùng đồng bằng sông Cửu Long; phát triển du lịch xanh, bền vững, có sức cạnh tranh cao; phát triển đồng thời du lịch biển, du lịch di sản văn hóa, đặc biệt là văn hóa Khmer; du lịch sinh thái miệt vườn, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp; liên kết với các điểm đến của vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

- Dịch vụ cảng biển, logistics: Đầu tư phát triển dịch vụ cảng biển và logistics, khai thác có hiệu quả các loại hình vận tải đường bộ, đường thủy nội địa, đường biển; nâng cấp hệ thống kho bãi, bảo quản hàng hóa, dịch vụ hậu cần, nhất là các bến cảng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao năng lực cạnh tranh, năng suất lao động và chất lượng dịch vụ logistics; hình thành và phát triển Trung tâm logistics cấp tỉnh tại Khu kinh tế Định An.

c) Nông nghiệp: Phát triển ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, tuần hoàn, sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn theo chuỗi giá trị, hiệu quả và có sức cạnh tranh cao dựa trên ứng dụng khoa học công nghệ và thích ứng với biến đổi khí hậu. Trong đó:

- Thủy sản: Nuôi trồng thủy sản tập trung, công nghiệp, công nghệ hiện đại; phát triển mạnh vùng nuôi chuyên canh cho các sản phẩm chủ lực.

- Trồng trọt: Phát triển các cây trồng có lợi thế; hình thành các khu nông nghiệp, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Chăn nuôi: Phát triển ngành chăn nuôi tập trung, chăn nuôi hữu cơ, hàng hóa chất lượng cao, an toàn vệ sinh thực phẩm và phòng chống dịch bệnh. Tổ chức lại chăn nuôi theo hướng hợp tác liên kết theo chuỗi giá trị ngành hàng gắn với xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm cho đàn bò, heo và gia cầm.

## **2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác**

a) Giáo dục và đào tạo: Tạo chuyển biến trong giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Xây dựng hệ thống giáo dục theo hướng mở, chất lượng, hiệu quả gắn với xây dựng xã hội học tập. Tập trung vào một số nội dung sau:

- Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông; phát triển giáo dục nghề nghiệp nhằm cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, cơ cấu, đạt tiêu chuẩn về trình độ theo quy định. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục và đào tạo.

**b) Y tế và chăm sóc sức khỏe:**

- Xây dựng và nâng cấp hệ thống y tế hiện đại, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe của người dân; nâng cao chất lượng dân số; bảo đảm mọi người dân đều được tiếp cận các dịch vụ y tế.

- Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở đáp ứng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân; xây dựng đồng bộ hệ thống y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật; khuyến khích đầu tư phát triển y tế ngoài công lập.

- Xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ y tế bảo đảm số lượng và chất lượng đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

**c) Văn hóa, thể thao:**

- Xây dựng, phát triển văn hóa của tinh tiên tiến, đậm đà bản sắc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn tỉnh gắn với mục tiêu phát triển con người. Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa vật thể và phi vật thể.

- Đầu tư nâng cấp các trình thể thao; nâng cao chất lượng đào tạo, huấn luyện phục vụ cho thể thao thành tích cao; phát triển thể dục thể thao đa dạng, phong phú và bền vững; đẩy mạnh công tác xã hội hóa thể dục thể thao.

**d) An sinh xã hội:** Phát triển mạng lưới an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh; tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em và bảo trợ xã hội; thực hiện giảm nghèo bền vững và nâng cao đời sống của người dân; ngăn chặn, đẩy lùi các tệ nạn xã hội.

**đ) Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo:** Phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành động lực phát triển của tỉnh. Tăng cường đầu tư và nghiên cứu khoa học; ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ vào thực tiễn.

**e) Thông tin, truyền thông:** Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, mạng kết nối vạn vật liên thông, đồng bộ, hiện đại. Phát triển ngành báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn, hiện đại; phát triển bưu chính theo hướng hoàn thiện chất lượng dịch vụ số.

**g) Quốc phòng, an ninh:** Xây dựng quốc phòng toàn dân, khu vực phòng thủ vững chắc, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển; nâng cao năng lực sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang. Xây dựng lực lượng công an chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, vững mạnh mọi mặt.

**3. Phương án tổ chức các hoạt động kinh tế, xã hội**

**a) Các vùng kinh tế - xã hội:** Được tổ chức thành 2 vùng, trong đó vùng phía Đông là vùng động lực phát triển:

- Vùng liên huyện phía Đông, bao gồm các huyện Duyên Hải, Cầu Ngang, Trà Cú và thị xã Duyên Hải (thị xã Duyên Hải là trung tâm vùng liên huyện) trở

thành trung tâm kinh tế biển hiện đại, tạo động lực mới cho phát triển kinh tế của tỉnh, là cửa ngõ giao thông đường thủy của đồng bằng sông Cửu Long. Trong đó:

+ Tập trung phát triển kinh tế biển, trọng tâm là phát triển công nghiệp năng lượng tái tạo; phát triển dịch vụ thương mại và du lịch biển; kết hợp khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy hải sản và dịch vụ hậu cần nghề cá.

+ Phát triển Khu kinh tế Định An thành trung tâm phát triển công nghiệp, dịch vụ cảng biển và logistics, công nghiệp và du lịch của vùng ven biển; phát triển khu du lịch Ba Động.

+ Hình thành và phát triển mạng lưới đô thị ven biển trong đó lấy thị xã Duyên Hải làm trung tâm.

- Vùng liên huyện phía Tây, bao gồm thành phố Trà Vinh, các huyện: Châu Thành, Càng Long, Cầu Kè, Tiểu Cần, trong đó huyện Tiểu Cần (định hướng nâng cấp lên thị xã) là trung tâm vùng liên huyện. Thành phố Trà Vinh (mở rộng một phần các huyện: Châu Thành, Càng Long) là đô thị trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh. Thành phố Trà Vinh, các huyện: Càng Long, Cầu Kè, Châu Thành là địa bàn phát triển các hoạt động kinh tế tổng hợp. Phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn các huyện: Cầu Kè, Tiểu Cần.

b) Các trục động lực phát triển: Không gian phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh được xây dựng trên cơ sở 03 trục kết nối chính, bao gồm:

- Trục phát triển theo tuyến đường bộ ven biển, là trục phát triển kinh tế động lực của tỉnh, trọng tâm là Khu Kinh tế Định An, trong đó tập trung phát triển năng lượng tái tạo, cảng biển, logistics, công nghiệp chế biến, chế tạo, du lịch và kết nối mạng lưới các đô thị ven biển.

- Trục phát triển theo tuyến quốc lộ 60, là trục kết nối không gian hướng Bắc - Nam của tỉnh (kết nối Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng), thực hiện các hoạt động giao thương hàng hóa giữa Trà Vinh với các trung tâm đầu mối tiểu vùng phía Đông và các chùm đô thị liên vùng đồng bằng sông Cửu Long, kết nối với thành phố Hồ Chí Minh.

- Trục phát triển theo tuyến cao tốc Hồng Ngự - Trà Vinh (CT36), là trục kết nối Đông - Tây của tỉnh, kết nối vùng liên huyện phía Đông và vùng liên huyện phía Tây của tỉnh, thực hiện kết nối kinh tế biển của tỉnh Trà Vinh với các tỉnh thượng nguồn sông Cửu Long và nước bạn Campuchia.

c) Các cửa ngõ kết nối

- Cửa ngõ phía Tây Bắc: Huyện Càng Long và thành phố Trà Vinh mở rộng, là cửa ngõ giao lưu kinh tế - văn hóa - xã hội của tỉnh Trà Vinh với hai trục giao thông quan trọng của tỉnh là quốc lộ 53 kết nối với tỉnh Vĩnh Long đi các tỉnh miền Tây và quốc lộ 60 kết nối với tỉnh Bến Tre đi Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cửa ngõ phía Tây Nam: Huyện Tiểu Cần và huyện Trà Cú, là cửa ngõ quan trọng của tỉnh Trà Vinh với trục phát triển hình thành bởi hành lang đô thị phía Đông sông Hậu, kết nối với tuyến Nam sông Hậu đi các tỉnh: Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau qua tuyến quốc lộ 60, quốc lộ 54 và đường thủy qua sông Hậu.

- Cửa ngõ phía Đông: Thông qua Luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu (dự kiến mở rộng thành đường vận tải hàng hải quốc tế) và luồng Định An - biên giới Campuchia.

#### **IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN, VÙNG LIÊN HUYỆN, VÙNG HUYỆN VÀ PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG**

##### **1. Phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã**

Rà soát, sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2030 theo Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 24 tháng 12 năm 2028 và Kết luận số 48-KL/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị, trong đó:

Đến năm 2025: Thực hiện sắp xếp đối với các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có đồng thời cả 02 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% quy định; đơn vị hành chính cấp huyện đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 200% quy định; đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

Đến năm 2030: Thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã còn lại có đồng thời cả 02 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% quy định; đơn vị hành chính cấp huyện đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 200% quy định; đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

Tiêu chuẩn diện tích tự nhiên, quy mô dân số của đơn vị hành chính thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Việc lập và thực hiện quy hoạch sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 ngoài tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số cần tính đến kết quả sắp xếp giai đoạn trước, đơn vị hành chính ổn định từ lâu, có vị trí biệt lập, có các yếu tố đặc thù và các đơn vị hành chính nông thôn đã được quy hoạch thành đơn vị hành chính đô thị.

Phạm vi ranh giới cụ thể của từng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã phải sắp xếp thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

##### **2. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị**

Khi có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, phấn đấu đến năm 2030, toàn tỉnh có 14 đô thị, gồm: 01 đô thị loại II (thành phố Trà Vinh mở rộng); 01 đô thị loại III (thị xã Duyên Hải); 03 đô thị loại IV và 09 đô thị loại V, bao gồm:

a) Đô thị trung tâm: Bao gồm thành phố Trà Vinh mở rộng (đô thị loại II); thị trấn Càng Long mở rộng (đô thị loại IV) và thị trấn Châu Thành, đô thị Tân An – huyện Càng Long (đô thị loại V); đô thị Hưng Mỹ - huyện Châu Thành (đô thị loại V). Thành phố Trà Vinh là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học kỹ thuật và giáo dục đào tạo của tỉnh, là đầu mối giao thông quan



trọng kết nối các đô thị trong tỉnh và các khu vực liên tỉnh trong vùng đồng bằng sông Cửu Long.

b) Các đô thị phía Tây: Bao gồm thị xã Tiểu Cần (đô thị loại IV), thị trấn Cầu Kè (đô thị loại V) và thị trấn Ninh Thới (đô thị loại V). Là khu vực đầu mối giao thông vùng Tây Nam tỉnh Trà Vinh, kết nối với các địa phương trong tỉnh và tỉnh Sóc Trăng.

c) Các đô thị phía Đông: Bao gồm thị xã Duyên Hải (đô thị loại III); thị trấn Trà Cú, thị trấn Định An, thị trấn Cầu Ngang mở rộng, thị trấn Mỹ Long, thị trấn Long Thành và thị trấn Ngũ Lạc. Là động lực phát triển kinh tế biển, khu vực kết nối giao thông trong tỉnh và các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, đầu mối giao thông hàng hải.

### **3. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn**

Tổ chức không gian khu vực nông thôn theo 3 vùng gắn với sản xuất nông nghiệp:

a) Vùng ngọt: Tập trung phát triển sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao, thâm canh, quy mô lớn; cải tạo, nâng cấp, mở rộng các vườn cây ăn trái đặc sản và cây dừa thành vùng tập trung, chuyên canh, quy mô lớn, chất lượng cao; chú trọng phát triển mô hình sản xuất nông nghiệp kết hợp với du lịch sinh thái miệt vườn, du lịch sông nước.

b) Vùng ngọt và lợ: Chuyển diện tích đất trồng lúa năng suất thấp sang các cây trồng khác hoặc nuôi trồng thủy sản; phát triển sản xuất lúa đặc sản, lúa hữu cơ chất lượng cao; các loại rau màu và cây công nghiệp ngắn ngày; phát triển đàn vật nuôi có lợi thế và các loại thủy sản thể mạnh.

c) Vùng mặn và lợ: Phát triển nuôi trồng, khai thác thủy, hải sản; bảo vệ và củng cố các khu rừng phòng hộ chắn sóng ven biển, ven cửa sông; phục hồi và phát triển hệ sinh thái rừng ngập mặn kết hợp với nuôi thủy sản sinh thái, nuôi thủy sản ứng dụng công nghệ cao và du lịch biển.

### **4. Phương án quy hoạch vùng liên huyện, vùng huyện**

a) Phương án quy hoạch vùng liên huyện: Gồm vùng liên huyện phía Đông và vùng liên huyện phía Tây theo phương án quy hoạch tổ chức các vùng kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Phương án quy hoạch vùng huyện: Quy hoạch 07 vùng huyện bảo đảm phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển tổng thể của tỉnh, bao gồm: huyện Tiểu Cần (định hướng lên thị xã vào năm 2030), Châu Thành, Càng Long, Cầu Kè, Trà Cú, Cầu Ngang, Duyên Hải. Trong đó:

- Huyện Càng Long: phấn đấu đến năm 2030 đạt tiêu chí đô thị loại IV, có kết cấu hạ tầng đồng bộ; phát triển nông nghiệp theo hướng ven đô thị, công nghệ cao, sinh thái, hàng hóa an toàn, nông nghiệp sạch gắn với công nghiệp chế biến; phát triển các làng nghề tiểu thủ công nghiệp kết hợp phát triển du lịch; hình thành và phát triển Khu Công nghiệp Cổ Chiên.

- Huyện Châu Thành: Trở thành huyện có nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững dựa trên công nghiệp và dịch vụ tập trung, trong đó thương mại dịch vụ là ngành phát triển mang tính đột phá. Phát triển bền vững ngành nông nghiệp dựa trên đổi mới tổ chức sản xuất, đẩy mạnh liên kết chuỗi giá trị và logistics hàng hóa.

- Huyện Cầu Ngang: Phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, có chọn lọc, chú trọng các ngành, lĩnh vực có lợi thế: sản xuất năng lượng điện, chế biến nông, thủy sản thực phẩm, may mặc, cơ khí chế tạo, đóng và sửa chữa tàu... Phát triển du lịch sinh thái ven biển gắn các lễ hội truyền thống. Xây dựng nền nông nghiệp phát triển theo hướng hiện đại, trọng tâm là phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung.

- Huyện Cầu Kè: Phát triển các ngành công nghiệp chế biến, may mặc, giày da. Phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp tập trung, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hàng hóa an toàn. Phát triển du lịch trên cơ sở khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế về du lịch sinh thái, du lịch miệt vườn, du lịch văn hóa, lễ hội của các dân tộc.

- Huyện Duyên Hải: Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế kinh tế biển, nhất là công nghiệp năng lượng sạch, nuôi trồng và chế biến thủy sản; phát triển các vùng nuôi thủy sản thâm canh mật độ cao, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ, nhất là dịch vụ du lịch với điểm nhấn là Khu du lịch sinh thái rừng đước Long Khánh.

- Huyện Tiểu Cần: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị, phấn đấu đến năm 2030 đạt tiêu chí đô thị loại IV và trở thành thị xã, có nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững dựa trên nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao; hình thành Khu Công nghiệp Cầu Quan; phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ, du lịch đô thị.

- Huyện Trà Cú: Phát triển mạnh kinh tế biển, nhất là các ngành công nghiệp ven biển, cảng biển, dịch vụ vận tải biển, công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản. Hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, doanh nghiệp nông nghiệp và trang trại; nuôi trồng thủy sản thâm canh mật độ cao. Phát triển đột phá ngành thương mại dịch vụ; hình thành các sản phẩm du lịch đặc trưng như: du lịch sông nước, du lịch miệt vườn, du lịch văn hoá lịch sử, tín ngưỡng.

## **5. Phương án phát triển các khu chức năng**

a) Khu kinh tế: Phát triển Khu kinh tế Định An thành khu kinh tế động lực của tỉnh và của vùng đồng bằng sông Cửu Long với tính chất tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực. Ưu tiên phát triển các ngành: năng lượng tái tạo, chế biến nông - thủy sản, đóng tàu cùng với các ngành công nghiệp phụ trợ; phát triển khu nuôi trồng thủy sản theo hướng ứng dụng công nghệ cao; phát triển dịch vụ, du lịch với các sản phẩm độc đáo gắn với cảng biển, dịch vụ logistics.

b) Khu công nghiệp: Tập trung phát triển 04 khu công nghiệp, chú trọng hệ thống kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp hệ thống giao thông nội bộ và giao thông kết nối bên ngoài khu công nghiệp, hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước và bảo vệ môi trường. Tăng cường thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp, chú trọng các dự án đầu tư sử dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường và phù hợp với quy hoạch của từng khu công nghiệp. Nghiên cứu phát triển mới khu công nghiệp trong khu kinh tế ven biển Định An với tính chất đa chức năng gồm công nghiệp, đô thị và dịch vụ trong trường hợp được bổ sung chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia và đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về Khu công nghiệp.

c) Cụm công nghiệp: Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư có nguồn lực tài chính, công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại; thu hút đầu tư vào các ngành có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện môi trường, giá trị gia tăng cao. Đến năm 2030, tỉnh Trà Vinh có 08 cụm công nghiệp.

d) Khu du lịch: Phát triển các khu du lịch biển, du lịch di sản văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nghỉ dưỡng. Đến năm 2030, phát triển 06 khu du lịch trọng điểm, bao gồm:

- Khu du lịch sinh thái cù lao Long Trị, thành phố Trà Vinh;
- Khu Văn hóa – Du lịch Ao Bà Om, thành phố Trà Vinh;
- Khu du lịch sinh thái rừng ngập mặn biển Ba Động, thị xã Duyên Hải;
- Khu du lịch khoáng nóng Duyên Hải, thị xã Duyên Hải;
- Khu du lịch sinh thái Cù lao Tân Qui, huyện Cầu Kè;
- Khu du lịch sinh thái Hàng Dương, huyện Cầu Ngang.

đ) Các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung: Phát triển các vùng nông nghiệp sản xuất tập trung theo các loại sản phẩm có lợi thế của tỉnh, bao gồm:

- Vùng sản xuất lúa chất lượng cao: Tại các huyện Tiểu Cần, Châu Thành, Cầu Ngang, Trà Cú, Càng Long, Cầu Kè.
- Vùng cây ăn trái, cây dứa: Các huyện Càng Long, Cầu Kè, Tiểu Cần, Châu Thành, Trà Cú và thành phố Trà Vinh.
- Vùng cây màu thực phẩm: Tập trung ở hầu hết các huyện, thị xã.
- Vùng chăn nuôi: Tại các huyện Càng Long, Cầu Kè, Tiểu Cần, Châu Thành, Trà Cú, Cầu Ngang, Duyên Hải.
- Vùng nuôi trồng thủy sản: Nuôi tôm thẻ, tôm sú, cua biển, nghêu... tại các huyện: Duyên Hải, Cầu Ngang, Châu Thành, Trà Cú và thị xã Duyên Hải; nuôi cá tra, cá lóc, tôm càng xanh tại các huyện: Càng Long, Cầu Kè, Tiểu Cần, Châu Thành, Duyên Hải, Trà Cú và thành phố Trà Vinh.

e) Khu chức năng khác: Phát triển một số trung tâm chuyên ngành tập trung: khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu đại học và nghiên cứu khoa học.

g) Các khu vực lãnh thổ cần bảo tồn, hạn chế phát triển

- Các khu vực lãnh thổ cần bảo tồn, hạn chế phát triển bao gồm công trình kiến trúc, di tích lịch sử, văn hóa cần bảo tồn, tôn tạo, Khu Bảo tồn hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển ở xã Long Khánh huyện Duyên Hải; khu vực chịu rủi ro thiên tai như ven sông, khu vực dễ bị sạt lở, hồ chứa nước.

- Duy trì hiện trạng công trình hoặc tu bổ, cải tạo, xây dựng mới phải phù hợp với hiện trạng kiến trúc của khu vực; kiểm soát hoạt động xây dựng, loại hình công trình xây dựng, cấp công trình xây dựng, kiến trúc công trình xây dựng phù hợp với cảnh quan và đặc trưng văn hoá cần được bảo tồn.

- Hạn chế tối đa các hoạt động có nguy cơ gây sạt lở; quản lý chặt chẽ, hạn chế cấp phép khai thác vật liệu xây dựng, không xây dựng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư tập trung. Kiểm soát mật độ xây dựng, loại công trình xây dựng, cấp công trình xây dựng; chú trọng sử dụng các phương pháp chống sạt lở đất. Khuyến khích trồng rừng, cây xanh, các biện pháp bảo vệ đất và lớp phủ thực vật khác.

## V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

### 1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

Phát triển mạng lưới giao thông phù hợp với quy hoạch ngành giao thông vận tải quốc gia, đồng bộ, hiện đại, liên thông và kết nối thúc đẩy liên kết vùng, bảo đảm an toàn giao thông, thuận tiện và thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

a) Đường bộ

- Các tuyến cao tốc, quốc lộ thực hiện theo quy hoạch ngành quốc gia về đường bộ:

+ Xây dựng 02 tuyến cao tốc đi qua địa bàn tỉnh Trà Vinh: Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng (CT.33) và Cao tốc Hồng Ngự - Trà Vinh (CT.36);

+ Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển với quy mô cấp III-ĐB;

+ Mở rộng, nâng cấp các tuyến quốc lộ trên địa bàn tỉnh, xây dựng hoàn thành cầu Đại Ngãi theo tiến độ và quốc lộ 60 đoạn nối với cầu Cổ Chiên – cầu Đại Ngãi;

- Các tuyến đường bộ tỉnh quản lý:

+ Cải tạo nâng cấp 05 tuyến đường tỉnh hiện hữu quy mô cấp III-IV, thành lập mới 12 tuyến đường tỉnh quy mô cấp II-IV trên cơ sở xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp các tuyến đường huyện hiện hữu. Đối với các đoạn tuyến qua đô thị quy mô đảm bảo theo quy hoạch đô thị.

+ Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường huyện và thành lập mới một số tuyến quy mô tối thiểu cấp V, phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện.

+ Xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông nông thôn phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch xã nông thôn mới đáp ứng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu và huyện nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

+ Phát triển bến xe tại các huyện, thị xã, thành phố và Khu kinh tế Định An đảm bảo theo quy hoạch vùng huyện và quy hoạch đô thị.

#### b) Đường thủy nội địa

- Các tuyến giao thông đường thủy nội địa, khu bến cảng, khu neo đậu thực hiện theo quy hoạch ngành quốc gia:

+ Hoàn thành Luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu theo quy mô được Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt điều chỉnh;

+ Xây dựng hệ thống bến cảng theo quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, phục vụ cho việc phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, bao gồm khu bến cảng Duyên Hải - Định An, Khu bến cảng Trà Cú - Kim Sơn và các bến phao, khu neo đậu chuyển tải, tránh, trú bão.

+ Đầu tư, nâng cấp các tuyến thủy nội địa gồm: tuyến Định An – biên giới Campuchia cấp đặc biệt, tuyến sông Cổ Chiên từ cửa Cổ Chiên đến ngã ba sông Tiền cấp đặc biệt; nâng cấp, xây dựng mới các cảng thuộc Cụm cảng hàng hóa Trà Vinh và Cụm cảng khách Trà Vinh dọc theo sông Cổ Chiên và sông Hậu.

- Duy trì, cải tạo các tuyến giao thông thủy do tỉnh quản lý đạt chuẩn cấp IV-V đường thủy nội địa, riêng tuyến sông Long Toàn và tuyến sông Rạch Hầm đạt chuẩn cấp đặc biệt (đường thủy nội địa); phát triển cảng, bến thủy nội địa phù hợp với các quy hoạch chuyên ngành, đảm bảo kết nối các phương thức giao thông thủy, bộ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh.

## 2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện

a) Phát triển nguồn điện, đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các trạm biến áp và đường dây điện 500kV, 220kV và 110kV phải phù hợp với Quy hoạch, Kế hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Đẩy mạnh phát triển và sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo và năng lượng mới, hình thành và phát triển hệ thống điện thông minh, có khả năng thích ứng với nguồn năng lượng tái tạo.

c) Phát triển lưới điện trung áp, cụ thể:

- Cải tạo và xây dựng mới các nhánh chính, nhánh rẽ trung thế đảm bảo cấp điện cho các khu dân cư;

- Đầu tư xây dựng các lộ ra cho các trạm 110 kV, tăng cường tiết diện và liên kết mạch vòng các tuyến trục trung thế để khai thác hiệu quả các trạm biến áp 110 kV;

- Phát triển lưới điện cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các khu dân cư, đô thị, các cơ sở kinh tế - xã hội khác trên địa bàn tỉnh.

### **3. Phương án phát triển mạng lưới thông tin và truyền thông**

a) Phát triển mạng lưới hạ tầng viễn thông, chú trọng nâng cao chất lượng mạng di động băng rộng 4G, 5G; đầu tư, nâng cấp các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm, ngầm hóa hạ tầng mạng ngoại vi, lắp đặt các điểm truy cập wifi; phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

b) Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, mạng kết nối vạn vật (IoT) liên thông, đồng bộ, hiện đại nhằm phục vụ chuyển đổi số toàn diện, phát triển kinh tế số, xã hội số, chính quyền số; xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu theo công nghệ điện toán đám mây, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung, tạo nền tảng cho phát triển chính quyền điện tử đồng bộ theo khung kiến trúc Chính phủ điện tử quốc gia.

c) Phát triển bưu chính theo hướng hoàn thiện chất lượng dịch vụ, số hóa cung cấp dịch vụ bưu chính truyền thống trên cơ sở nền tảng mã định danh xác thực điện tử của người dân (PostID); hoàn thành mạng truyền số liệu chuyên dùng từ tỉnh đến xã.

### **4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước**

a) Nâng cao hiệu quả hoạt động các công trình thủy lợi hiện có; đầu tư xây dựng đồng bộ, hiện đại các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt đô thị, nông thôn; xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các tuyến kênh, đê, kè, cống và các hồ chứa nước.

b) Đầu tư cải tạo, nâng cấp các công trình cấp nước sạch tập trung khu vực đô thị, nông thôn.

c) Nâng cao khả năng chủ động tiêu, thoát nước ra sông chính, đảm bảo tiêu thoát ở những vùng trũng thấp phục vụ dân sinh, nông nghiệp; đáp ứng yêu cầu tiêu, thoát cho khu đô thị vào hệ thống công trình thủy lợi.

### **5. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải**

#### **a) Xử lý chất thải rắn**

- Thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp nguy hại và chất thải rắn công nghiệp thông thường về các khu xử lý chất thải nguy hại theo quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long; tổ chức thu gom, vận chuyển và giao cho đơn vị có chức năng xử lý được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép.

- Phân loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các tổ chức, hộ gia đình, lưu giữ trong các thùng chứa rác dọc các tuyến đường dọc khu dân cư đảm bảo vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị; sau đó thu gom, vận chuyển về các điểm tập kết, trạm trung chuyển và được xử lý tại các lò đốt, bãi rác cấp huyện, nhà máy xử lý chất thải rắn.

- Phân loại chất thải rắn y tế tại nguồn phát sinh; chất thải rắn y tế thông thường được thu gom chung với chất thải rắn sinh hoạt đô thị để xử lý; chất thải rắn y tế nguy hại phải được thu gom vận chuyển và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép.

b) Thu gom, xử lý nước thải

- Xây dựng các hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại các khu đô thị, thị xã, thị trấn và khu dân cư tập trung; xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi thoát thải ra nguồn tiếp nhận đối với các cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Đối với khu vực nông thôn, thực hiện theo đề án xây dựng nông thôn mới đã phê duyệt, khuyến khích xây dựng mạng lưới thu gom và xử lý nước thải tập trung.

## **6. Phương án phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ**

Xây dựng mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cấp tỉnh, cấp huyện, trong đó ưu tiên bố trí trụ sở các đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại các khu vực đô thị, các khu vực trọng điểm về phòng cháy và chữa cháy, đảm bảo mỗi đơn vị hành chính cấp huyện có tối thiểu 01 đội Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, công trình phục vụ ứng phó khẩn cấp, huấn luyện, chỉ huy điều hành, kiểm định phương tiện và nghiên cứu khoa học - công nghệ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ... đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chính quy, tinh nhuệ, hiện đại và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quy mô tính chất hoạt động của từng đơn vị.

## **VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI**

### **1. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo**

a) Rà soát, điều chỉnh, đầu tư nâng cấp mạng lưới cơ sở giáo dục các cấp theo hướng hiện đại, phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của địa phương. Khuyến khích đầu tư, xây dựng và phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập.

b) Đến năm 2030, tỉnh Trà Vinh dự kiến có 32 trường trung học phổ thông, trong đó thành lập mới 05 trường.

c) Tiếp tục đầu tư, xây dựng Trường Đại học Trà Vinh theo mô hình đại học tiên tiến, hiện đại.

d) Đầu tư, cải tạo, mở rộng, nâng cấp Trường Chính trị tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn theo quy định.

### **2. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao**

a) Tiếp tục bảo vệ, đầu tư tôn tạo, nâng cấp, khai thác hiệu quả các di tích lịch sử - văn hóa; nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn, phục dựng các di sản văn hóa, thuần phong mỹ tục, tập quán của đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh; quan tâm đầu tư xây dựng các công trình văn hóa, thể thao cấp tỉnh đạt chuẩn.

b) Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa các cấp, bảo đảm về quy mô, chất lượng đáp ứng hiệu quả các hoạt động theo chức năng; nâng cấp, hoàn thiện một số thiết chế văn hóa của tỉnh; phát triển các di tích lịch sử văn hóa, tín ngưỡng mang tính đặc trưng của địa phương để thu hút khách du lịch.

c) Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị tập luyện thi đấu và tổ chức các phong trào thể dục thể thao; xây dựng Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh.

d) Đẩy mạnh công tác xã hội hóa văn hóa, thể thao; khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nhằm phát triển toàn diện lĩnh vực văn hóa – thể thao của tỉnh.

### **3. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế và chăm sóc sức khỏe**

a) Xây dựng hệ thống y tế tỉnh đồng bộ, hiện đại, kết hợp hài hòa giữa y tế chuyên khoa, chuyên sâu với y tế phổ cập, giữa phòng bệnh với khám chữa bệnh, giữa y học cổ truyền với y học hiện đại; tiếp tục đầu tư mở rộng, nâng quy mô Bệnh viện đa khoa tỉnh lên 1.000 – 1.200 giường, đạt chuẩn bệnh viện loại I.

b) Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng các cơ sở y tế ngoài công lập phù hợp với các quy hoạch có liên quan.

c) Đầu tư nâng cấp, cải tạo các Trung tâm y tế tuyến huyện.

### **4. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trợ giúp xã hội**

a) Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn Việt Nam và tiến tới đạt chuẩn quốc tế, ưu tiên đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo cho các trường giáo dục nghề trọng điểm; nâng cấp, mở rộng các cơ sở giáo dục chuyên biệt hiện có. Khuyến khích đầu tư, xây dựng và phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập. Phấn đấu đến năm 2030, toàn tỉnh có khoảng 13 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, 01 Trung tâm dịch vụ việc làm, 01 Trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập.

b) Mở rộng, nâng cấp các cơ sở trợ giúp xã hội hiện có, tăng công suất tiếp nhận cho các cơ sở; khuyến khích tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đầu tư xây dựng, quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội. Phấn đấu thành lập mới 01 cơ sở chăm sóc, phục hồi chức năng cho người cao tuổi và thành lập mới Trung tâm điều dưỡng người có công.

### **5. Phương án phát triển mạng lưới khoa học công nghệ**

a) Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị cho các tổ chức nghiên cứu khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh nhằm đảm bảo trang thiết bị đồng bộ, hiện đại để thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu và chuyển giao khoa học và công nghệ phù hợp với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tận dụng hiệu quả các thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

b) Ưu tiên đầu tư cho Trung tâm thông tin và ứng dụng khoa học công nghệ, Trường Đại học Trà Vinh và Trung tâm khoa học tài nguyên và môi trường.



## **6. Phương án phát triển hạ tầng thương mại**

a) Phát triển các trung tâm thương mại, hệ thống siêu thị hiện đại tại các đô thị, trung tâm các xã theo quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và các quy hoạch có liên quan. Đến năm 2030, toàn tỉnh dự kiến có 27 siêu thị và 07 trung tâm thương mại.

b) Xây dựng Trung tâm logistics hạng II tại Khu kinh tế Định An.

c) Đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây mới hệ thống kho chứa xăng dầu, khí đốt, trạm chiết nạp khí hóa lỏng, chợ đầu mối, chợ nông thôn và các hạ tầng khác phục vụ du lịch, dịch vụ. Khuyến khích thu hút đầu tư, xã hội hóa để phát triển trung tâm logistic, trung tâm đầu mối, trung tâm thương mại, siêu thị, chợ đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của các địa phương.

## **VII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI**

1. Đến năm 2030, diện tích tự nhiên của tỉnh Trà Vinh là khoảng 239.077 ha, trong đó: đất nông nghiệp khoảng 179.334 ha; đất phi nông nghiệp khoảng 58.868 ha; đất chưa sử dụng khoảng 875 ha.

2. Khai thác hợp lý quỹ đất tự nhiên và sử dụng đất tiết kiệm, đúng mục đích, đủ nhu cầu, có hiệu quả và bền vững gắn với bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; chuyển đổi nhanh cơ cấu sử dụng đất phù hợp với điều kiện tự nhiên, môi trường và phát triển kinh tế - xã hội; duy trì đất nông nghiệp và phát triển quỹ đất cho phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng và đô thị. Đảm bảo bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực phù hợp với chỉ tiêu được phân bổ theo Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh có trách nhiệm xây dựng kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất cấp huyện phù hợp với phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất trong quy hoạch tỉnh để làm căn cứ thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại khoản 2 Điều 63 Luật Đất đai.

## **VIII. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC; KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN; PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

### **1. Phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học**

a) Phân vùng bảo vệ môi trường: Phân vùng bảo vệ môi trường của tỉnh Trà Vinh theo 03 vùng để làm cơ sở triển khai các biện pháp bảo vệ môi trường, bao gồm:

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt, bao gồm 4 khu vực: khu dân cư tập trung ở đô thị (bao gồm: nội thành, nội thị của các đô thị loại II, III theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị); khu vực nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước (bao gồm: sông Hậu, sông Cổ Chiên, hồ chứa nước ngọt dọc bờ sông Láng Thét); khu bảo tồn thiên

nhiên cấp tỉnh (Khu dự trữ thiên nhiên rừng ngập mặn Long Khánh) và khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa.

- Vùng hạn chế phát thải, bao gồm: vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt; vùng đất ngập nước quan trọng; hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị; khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường khác cần được bảo vệ.

- Vùng bảo vệ khác, bao gồm các vùng còn lại trên địa bàn quản lý.

b) Các trạm, điểm quan trắc môi trường: Phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị, mạng lưới quan trắc cho từng loại môi trường; bố trí các điểm quan trắc môi trường không khí, môi trường mặt nước mặt, môi trường nước ven bờ biển, môi trường nước dưới đất, môi trường đất, trầm tích ven bờ và cửa sông...; xây dựng trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục quan trắc môi trường chất lượng nước và chất lượng không khí.

c) Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học:

- Bảo tồn, phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học về các nguồn gen, loài sinh vật và hệ sinh thái phong phú trên địa bàn tỉnh nhằm bảo vệ sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường và giá trị đa dạng sinh học.

- Ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học, khai thác bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; tiếp tục bảo tồn, gìn giữ, phục hồi các hệ sinh thái, cảnh quan thiên nhiên; nâng cao độ che phủ rừng, ngăn chặn suy giảm chất lượng rừng; bảo vệ các giống loài, nguồn gen và bảo đảm an toàn sinh học. Khai thác bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước, khoáng sản và nguồn lợi thủy sản.

- Bảo đảm các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, các loài và nguồn gen nguy cấp, quý, hiếm được bảo tồn; duy trì và phát triển dịch vụ hệ sinh thái thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm thúc đẩy phát triển bền vững.

d) Quản lý bảo vệ và phát triển rừng bền vững: Tập trung bảo vệ và phát triển bền vững rừng phòng hộ ven biển; tăng cường duy trì chất lượng rừng phòng hộ ven biển đạt chất lượng ở mức cao nhất nhằm hạn chế sạt lở bờ sông, bờ biển.

## **2. Phương án thăm dò, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên khoáng sản**

- Việc khai thác khoáng sản phải hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả đảm bảo phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

- Các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh thực hiện theo các quyết định đã được phê duyệt, các quy định của pháp luật hiện hành.

- Khoanh định 12 khu vực thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát lòng sông (8 thân cát), cát ven biển (4 khu vực).

- Các đối tượng cần bảo vệ đã được điều tra, đánh giá, thăm dò, khai thác bao gồm cát lòng sông, sét gạch ngói, cát san lấp ven biển và nước khoáng nóng.

### **3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra**

a) Phân vùng tài nguyên nước: Tài nguyên nước tỉnh Trà Vinh được phân thành 10 tiểu vùng chính, gồm: Tiểu vùng quy hoạch thành phố Trà Vinh; tiểu vùng quy hoạch thị xã Duyên Hải; tiểu vùng quy hoạch huyện Càng Long; tiểu vùng quy hoạch huyện Cầu Kè; tiểu vùng quy hoạch huyện Tiểu Cần; tiểu vùng quy hoạch huyện Châu Thành; tiểu vùng quy hoạch huyện Cầu Ngang; tiểu vùng quy hoạch huyện Trà Cú; tiểu vùng quy hoạch huyện Duyên Hải; tiểu vùng Cù lao.

#### **b) Phân bổ tài nguyên nước**

- Ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng theo thứ tự: (1) nước sử dụng cho sinh hoạt; (2) cấp nước cho ngành nông nghiệp; (3) cấp nước cho nuôi trồng thủy sản; (4) cấp nước cho phát triển du lịch - dịch vụ; (5) nước phát triển công nghiệp, ưu tiên các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Trong trường hợp hạn hán, thiếu nước, nguồn nước được phân bổ nguồn nước đáp ứng 100% nhu cầu sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt, lượng nước còn lại sẽ được phân bổ cho các mục đích sử dụng còn lại theo tỷ lệ phù hợp và phụ thuộc vào phân vùng cấp nước.

c) Bảo vệ tài nguyên nước: Khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên nước mặt và nước dưới đất; đảm bảo dòng chảy tối thiểu trên các hệ thống sông; phục hồi các nguồn nước bị ô nhiễm, xây dựng mạng quan trắc, giám sát khai thác và sử dụng tài nguyên nước; kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất, hạn chế khai thác các tầng chứa nước có nguy cơ xâm nhập mặn.

d) Phòng chống và khắc phục hậu quả do nước gây ra: Xây dựng kế hoạch quan trắc, dự báo, thông báo kịp thời triều cường, nước biển dâng trong phạm vi của tỉnh; bảo đảm an toàn công trình, phòng, chống sạt lở bờ sông, các khu vực ven biển; củng cố hệ thống đê sông, đê biển, cống ngăn mặn, giữ ngọt, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ; rà soát những diện tích có khả năng thiếu nước để chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp.

### **4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu**

#### **a) Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn**

- Khu vực dễ bị ảnh hưởng cao bởi triều cường, bão, áp thấp nhiệt đới là các xã ven biển, cửa sông thuộc các huyện: Cầu Ngang, Châu Thành, Duyên Hải, Trà Cú và thị xã Duyên Hải; và các xã nằm dọc các sông Cổ Chiên và sông Hậu.

- Khu vực dễ bị ảnh hưởng bởi hạn hán, xâm nhập mặn, thiếu nước bao gồm các huyện Cầu Ngang, Châu Thành, Duyên Hải, Trà Cú và thị xã Duyên Hải và các xã nằm dọc các sông Cổ Chiên và sông Hậu.

- Khu vực bị ảnh hưởng do sạt lở bao gồm các huyện ven sông Tiền, sông Hậu và ven biển.

b) Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Đầu tư xây dựng mới, duy tu, sửa chữa các công trình phòng, chống thiên tai; ưu tiên hệ thống đê, kè, cống đầu mối; bố trí dân cư ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở; tăng cường năng lực quan trắc khí tượng thủy văn, thiết lập các trạm đo tự động trên các lưu vực sông.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao chất lượng và kịp thời cho công tác dự báo, cảnh báo; tổ chức thường xuyên diễn tập phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

## **IX. DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ**

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành quan trọng, các lĩnh vực trọng điểm, xác định các dự án lớn, có tính chất liên kết, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế xã hội nhanh và bền vững để ưu tiên đầu tư và thu hút đầu tư, phù hợp với nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ, tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

## **X. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

### **1. Giải pháp về huy động và sử dụng vốn đầu tư**

a) Huy động tối đa các nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, đô thị, công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế biển, thương mại – dịch vụ, du lịch, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

b) Cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; khai thác hiệu quả các nguồn lực; đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, đẩy mạnh đầu tư theo hình thức đối tác công tư và thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

c) Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư công và các nguồn vốn hợp pháp khác; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, dự án tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp cận các nguồn lực về tài chính để đầu tư phát triển đô thị và nông thôn.

### **2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực**

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao bảo đảm về số lượng và cơ cấu nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh và vùng, đặc biệt là nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển các chương trình, dự án ngành, nghề trọng điểm phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ.

### **3. Giải pháp về bảo vệ môi trường**

Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, quan tâm đầu tư các công trình bảo vệ môi trường. Khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và ven biển; chống thoái hóa và sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên nước, diện tích rừng; có biện pháp quản lý và xử lý hiệu quả, an toàn các loại chất thải, đặc biệt là chất thải rắn và nước thải.

#### **4. Giải pháp về phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số**

a) Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực của tỉnh hướng tới mục tiêu xuất khẩu và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

b) Xây dựng chương trình, kế hoạch chuyển đổi số, chú trọng phát triển hạ tầng số, cơ sở dữ liệu số, tạo nền tảng để phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; tập trung xây dựng chính quyền điện tử, xây dựng đô thị thông minh; phát triển hệ thống quan trắc môi trường tự động, hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử...

#### **5. Giải pháp về liên kết phát triển**

a) Đẩy mạnh liên kết hợp tác với các tỉnh, thành phố trong cả nước, nhất là các địa phương trong vùng đồng bằng sông Cửu Long về các lĩnh vực: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông cấp vùng kết nối các đô thị, trung tâm du lịch và khu công nghiệp, vùng nguyên liệu, chế biến của tỉnh; trao đổi thông tin về quy hoạch, định hướng phát triển, phối hợp tổ chức các hội nghị xúc tiến đầu tư với các địa phương trong vùng và cả nước.

b) Tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác với các tỉnh, thành phố của các nước có nhiều điểm tương đồng với Trà Vinh, có tiềm năng, thế mạnh trong việc hợp tác phát triển kinh tế, chuyển giao công nghệ, giao lưu văn hóa.

#### **6. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn**

a) Tiếp tục tăng cường công tác quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn theo quy hoạch được phê duyệt.

b) Hoàn thiện các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, chương trình, đề án, dự án đầu tư để đạt các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại; nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

c) Xây dựng và hoàn thiện các quy hoạch chi tiết và thiết kế đô thị ở các khu vực trung tâm, khu đô thị mới; các đô thị mới cần tập trung vào xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt, cây xanh đô thị, cây xanh công cộng khu vực nội thị, hạ tầng cơ sở về cấp điện, cấp nước xây dựng mô hình phát triển theo cấu trúc các khu đô thị gắn với địa hình sông nước đặc trưng kết nối với trục chính đô thị; hạn chế quá trình phát triển đô thị theo vết dầu loang, đặc biệt là các trục giao thông mới. Ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn, tăng cường xã hội hóa đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng. Tổ chức thực hiện tốt việc định hướng phân khu chức năng ở các khu vực đô thị và nông thôn để người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thông tin và giám sát việc thực hiện.

#### **7. Giải pháp nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy quản lý hành chính nhà nước**

a) Xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách theo thẩm quyền để huy động mọi nguồn lực và tạo môi trường đầu tư kinh doanh hiệu quả; nâng cao năng lực quản lý, chỉ đạo, điều hành của đội ngũ cán bộ, công chức các cấp, nhất là cán bộ quản lý.

b) Cải cách thủ tục hành chính, môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, đẩy mạnh xây dựng chính quyền số để thuận tiện trong cung ứng dịch vụ hành chính công.

c) Tăng cường đổi mới, cải tiến phương thức làm việc của các cơ quan hành chính nhà nước nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước. Xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài.

### **8. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch**

a) Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đảm bảo đồng bộ.

b) Triển khai xây dựng kế hoạch hành động, thường xuyên cập nhật, cụ thể hóa các nội dung quy hoạch thành kế hoạch 5 năm và hàng năm. Các cấp, các ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch phát triển bảo đảm phù hợp với quy hoạch được duyệt. Trong quá trình triển khai thực hiện, định kỳ đánh giá, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch theo quy định.

c) Công tác tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch cần được đổi mới phù hợp đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và thông lệ quốc tế. Bố trí bộ máy lãnh đạo tâm huyết, cán bộ đủ năng lực đáp ứng được yêu cầu với cơ chế quản lý hiệu lực, hiệu quả để triển khai thực hiện thành công Quy hoạch.

### **XI. BẢN ĐỒ QUY HOẠCH**

Chi tiết danh mục bản đồ Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định tại Thông tư số 04/2023/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

*Đính kèm:*

- Phụ lục tổng hợp ý kiến và tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp;

- Dự thảo Quyết định và báo cáo Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký tắt theo quy định), báo cáo ĐMC của quy hoạch; văn bản rà soát của các Bộ.

Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Vụ QLQH);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở KHĐT;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, THNV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Hân**

**Phụ lục I**  
**TỔNG HỢP Ý KIẾN VÀ TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN RÀ SOÁT**  
**HỒ SƠ QUY HOẠCH TỈNH TRÀ VINH THỜI KỲ 2021 – 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Kèm theo Tờ trình số: 4215/TTr-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)*

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
<b>I</b>	<b>BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ</b> (Công văn số 6352/BKHĐT-QLQH ngày 08/8/2023)			
<b>a</b>	<b>Đối với Báo cáo thuyết minh tổng hợp</b>			
1	- Về các căn cứ lập quy hoạch, đề nghị bổ sung các quy hoạch cấp quốc gia và kế hoạch thực hiện quy hoạch đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, ban hành sau: Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc; Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt; Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi; Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy; Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản; Quy hoạch tổng thể về năng lượng; Kế hoạch thực hiện quy hoạch tổng thể quốc gia; Kế hoạch thực hiện quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long. Theo đó, đề nghị rà soát các nội dung quy hoạch tỉnh có liên quan để bảo đảm thống nhất với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng.	Tiếp thu và bổ sung	Đã bổ sung các căn cứ quy hoạch liên quan tại các điểm 3.3, 3.4 của Phần mở đầu Báo cáo tổng hợp; Đã rà soát nội dung đảm bảo sự thống nhất	
2	- Về phương án phát triển khu công nghiệp, so với	Tiếp thu và	Đã bổ sung nội dung thuyết minh tại	

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
	<p>Hồ sơ quy hoạch kèm theo Báo cáo số 205/BC-SKHĐT ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc trình Hồ sơ quy hoạch quy hoạch tỉnh Trà Vinh đã hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng thẩm định, tại Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch kèm theo Tờ trình 2794/TTr-UBND có bổ sung thêm nội dung Khu công nghiệp (KCN) dự kiến phát triển tại Khu kinh tế Định An trong trường hợp được bổ sung chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia và đáp ứng điều kiện về KCN theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, báo cáo thuyết minh quy hoạch vẫn chưa thể hiện nội dung này. Do vậy, đề nghị bổ sung nội dung thuyết minh về phương án khu công nghiệp nói trên theo đúng quy định tại Điều 4 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế (Nghị định số 35/2022/NĐ-CP), bao gồm:</p> <p>+ Khả năng thu hút đầu tư của các khu công nghiệp, dự kiến về khả năng thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp của tỉnh trong giai đoạn 2021-2030 và các điều kiện chấp thuận chủ trương đầu tư dự án hạ tầng khu công nghiệp theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về khu công nghiệp để đảm bảo tính khả thi của việc triển khai các khu công nghiệp được đề xuất;</p>	bổ sung	điểm 2.2.1, mục II, Phần V và chỉnh sửa Bảng 5.9 Báo cáo tổng hợp.	



STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
	+ Rà soát, bảo đảm không có sự chồng lấn với các quy hoạch khác hoặc các dự án khác; trường hợp có sự chồng lấn, đề nghị có thuyết minh về đề xuất phương án xử lý cụ thể, bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật.			
3	- Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 và thực hiện chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2023 ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025, đề nghị bổ sung nội dung nói trên vào báo cáo thuyết minh quy hoạch để có căn cứ triển khai lập quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành. Trong đó, đề nghị có phương án đối với: Các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2023-2025 và Các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2026-2030.	Tiếp thu và bổ sung vào Báo cáo tổng hợp	Đã bổ sung nội dung phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã vào Báo cáo thuyết minh tổng hợp tại khoản 1.1, mục I, phần V Báo cáo tổng hợp;	
b	<b>Đối với Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ</b>			
1	Về quan điểm, mục tiêu và tầm nhìn			

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
	<p>- Về quan điểm, đề nghị:</p> <p>+ Chính lý điểm a mục 1 Phần II Điều 1 như sau: “a) Phù hợp với định hướng, tầm nhìn phát triển của đất nước Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; quy hoạch cấp quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long...”.</p> <p>+ Chính lý điểm e mục 1 Phần II Điều 1 như sau: “e) Phát triển gắn với chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH) theo hướng chuyển đổi từ kinh tế và kết cấu hạ tầng chống nhiễm mặn sang sống chung với mặn; ứng dụng công nghệ cao trong chủ động giải quyết vấn đề tài nguyên đất đai (nhiễm mặn, sạt lở, sụt lún), cung cấp nước cho sinh hoạt, phát triển công nghiệp, và thương mại dịch vụ; đời sống người dân thích ứng với xu hướng nhiễm mặn và nước biển dâng giai đoạn sau năm 2030.”.</p> <p>- Về mục tiêu cụ thể, đề nghị bổ sung mục tiêu cụ thể cho kết cấu hạ tầng để phù hợp với tiêu đề “Về hệ thống đô thị, nông thôn và kết cấu hạ tầng”. Nghiên cứu mục tiêu tại Quy hoạch tổng thể quốc gia như: Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt khoảng 16 - 26%; hình thành cơ bản bộ khung kết cấu hạ tầng quốc gia, bao gồm đường ven biển.</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa	<p>+ Đã chỉnh sửa các nội dung theo kiến nghị của Bộ KH&amp;ĐT tại mục 1 phần II dự thảo Quyết định;</p> <p>+ Chỉnh sửa tiêu đề của mục tiêu cụ thể của điểm “Về hệ thống đô thị, nông thôn và kết cấu hạ tầng” cho phù hợp với nội dung trình bày;</p> <p>+ Đã chuyển các đột phá về ứng dụng KHCN lên trước theo góp ý (tại mục 4</p>	

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
	<p>- Về các đột phá phát triển, do mục tiêu tổng quát của tình đề ra là “Kinh tế phát triển dựa trên khoa học công nghệ cao và các động lực tăng trưởng tập trung, hiện đại và hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ để khai thác có hiệu quả các lợi thế của tỉnh trong không gian kinh tế mở cửa vùng ĐBSCL và thích ứng với BĐKH” đề nghị chỉnh lý mục 4 Phần II Điều 1 theo hướng chuyển các đột phá về hạ tầng, khoa học công nghệ lên trước các đột phá còn lại để thể hiện thứ tự ưu tiên nhằm đạt được mục tiêu tổng quát nói trên.</p>		Phần II Điều 1 dự thảo Quyết định)	
2	Về phương hướng phát triển ngành lĩnh vực; lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội			
	<p>- Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng</p> <p>+ Về ngành công nghiệp, đề nghị chỉnh lý điểm b mục 1 Phần III Điều 1 như sau: “Phát triển nhanh, bền vững và có hiệu quả các ngành công nghiệp, nhất là các ngành sản phẩm công nghiệp quan trọng theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ mới, thân thiện với môi trường, gắn với lợi thế kinh tế biển.”.</p> <p>+ Về ngành dịch vụ, đề nghị chỉnh lý điểm b mục 1 Phần III Điều 1 như sau:</p> <p>“- Thương mại: tập trung phát triển dịch vụ thương</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa	+ Đã chỉnh sửa các nội dung theo kiến nghị của Bộ KH&ĐT (tại điểm a, mục 1 phần III Điều 1 dự thảo Quyết định);	

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
	<p>mại rộng khắp, nâng cao khả năng tham gia điều tiết, cân đối cung cầu, đảm bảo lưu thông hàng hoá thông suốt thích ứng với trình độ sản xuất, gắn với các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các vùng sản xuất hàng hoá, khu dân cư, các trục giao thông chính, cung cấp đầy đủ các loại vật tư, mặt hàng thiết yếu cho sản xuất và đời sống, bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng, <del>người sản xuất</del>; củng cố và phát triển các mô hình tổ chức lưu thông theo từng thị trường, ngành hàng, thích ứng với trình độ sản xuất, <del>gắn với các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các vùng sản xuất hàng hóa, khu dân cư, các trục giao thông chính</del>; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thương mại điện tử; chủ động hội nhập kinh tế, đẩy mạnh xúc tiến thương mại, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, tận dụng các hiệp định thương mại tự do.</p> <p>- Du lịch: phát triển du lịch bền vững với vai trò là một trong những lĩnh vực kinh tế quan trọng của tỉnh đưa Trà Vinh trở thành điểm đến du lịch hấp dẫn của vùng ĐBSCL, có sức cạnh tranh cao; phát triển đồng thời du lịch biển, du lịch di sản văn hóa, du lịch sinh thái miệt vườn, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, trong đó lấy du lịch di sản văn hóa, đặc biệt là văn hóa Khmer làm mũi nhọn; phát triển các điểm đến, tuyến du lịch trong địa bàn tỉnh và liên kết với</p>			

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
	<p>các điểm đến trong vùng ĐBSCL.”.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác</li> <li>+ Về giáo dục và đào tạo, đề nghị chuyển nội dung “Phát triển Trường Đại học Trà Vinh thành đại học định hướng ứng dụng điển hình xuất sắc và đặc thù, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cho khu vực và cả nước.” sang phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo.</li> <li>+ Về y tế, đề nghị chuyển nội dung “Phấn đấu nâng hạng Bệnh viện đa khoa tỉnh lên hạng I.” sang phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế.</li> <li>+ Về văn hoá, đề nghị chuyển nội dung “Tập trung tu bổ, tôn tạo các di tích đã xếp hạng bị xuống cấp; nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn, phục dựng các di sản văn hóa, thuần phong mỹ tục, tập quán của đồng bào dân tộc Kinh - Khmer - Hoa và các dân tộc khác trên địa bàn tỉnh.” sang phương án phát triển các khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn.</li> <li>- Phương án tổ chức các hoạt động kinh tế, xã hội như sau:</li> </ul>			

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
	<p>+ Về vùng động lực phát triển, đề nghị chỉnh lý như sau: “Phát triển vùng phía Đông của tỉnh, bao gồm thị xã Duyên Hải và các huyện Duyên Hải, Cầu Ngang, Trà Cú thành vùng động lực; trở thành một trung tâm kinh tế biển hiện đại, tạo động lực mới cho phát triển kinh tế của tỉnh từ sau năm 2025. Tập trung phát triển kinh tế biển, trọng tâm là phát triển công nghiệp năng lượng tái tạo; phát triển dịch vụ thương mại và du lịch biển; kết hợp khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy - hải sản và dịch vụ hậu cần nghề cá. Phát triển Khu kinh tế Định An thành một trong những trung tâm phát triển dịch vụ cảng biển và logistics, công nghiệp. Hình thành và phát triển mạng lưới đô thị ven biển trong đó lấy thị xã Duyên Hải làm trung tâm.”.</p> <p>+ Về vùng kinh tế - xã hội, đề nghị bổ sung định hướng phát triển chính cho 2 vùng kinh tế - xã hội.</p> <p>+ Đề nghị bổ sung nội dung sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 theo yêu cầu tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 và thực hiện chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2023 ban hành Kế hoạch thực hiện sắp</p>		<p>+ Bổ sung định hướng phát triển của 2 vùng kinh tế - xã hội;</p> <p>+ Đã bổ sung nội dung phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ (tại công văn số 3501/BNV-CQĐP ngày 06/7/2023) tại mục 1, phần IV Điều 1 dự thảo Quyết định.</p>	

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
	xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025.			
3	Về phương án quy hoạch đô thị và tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn			
	<p>- Đề nghị chỉnh lý mục 2 Phần IV như sau:</p> <p><i>“Khi có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, phấn đấu đến năm 2030, toàn tỉnh có 14 đô thị, gồm: 01 đô thị loại II (thành phố Trà Vinh mở rộng); 01 đô thị loại III (thị xã Duyên Hải); 03 đô thị loại IV và 09 đô thị loại V, bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đô thị trung tâm: ...</li> <li>- Các đô thị phía Đông: ...”</li> <li>- Không gian phát triển đô thị:</li> </ul>	Tiếp thu và chỉnh sửa	+ Đã chỉnh sửa các nội dung theo kiến nghị của Bộ KH&ĐT tại mục 2 phần IV dự thảo Quyết định;	
4	Về phương án quy hoạch vùng liên huyện và vùng huyện			
	Đề nghị bổ sung tính chất, hướng phát triển trọng tâm cho các vùng huyện để làm căn cứ lập quy hoạch xây dựng vùng huyện.	Bảo lưu	Các nội dung về tính chất, hướng phát triển trọng tâm cho các vùng huyện đã được thể hiện trong Báo cáo thuyết minh tổng hợp, là căn cứ pháp lý để lập quy hoạch xây dựng vùng huyện theo thẩm quyền của UBND tỉnh Trà	

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
			Vinh.	
5	Về phương án phát triển các khu chức năng và các khu vực khác			
	<p>- Về phương án phát triển khu kinh tế, đề nghị chỉnh lý điểm a mục 5 Phần IV như sau:</p> <p>“Phát triển Khu kinh tế Định An thành khu vực kinh tế động lực của tỉnh và của vùng với tính chất tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực <del>gồm: công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, đô thị ven biển, nông nghiệp, thủy sản gắn với năng lượng tái tạo.</del> Ưu tiên phát triển các ngành: năng lượng tái tạo, chế biến nông-thủy sản, đóng tàu cùng với các ngành công nghiệp phụ trợ; phát triển khu nuôi trồng thủy sản theo hướng ứng dụng công nghệ cao; phát triển dịch vụ, du lịch với các sản phẩm độc đáo gắn với cảng biển, dịch vụ logistics.”</p> <p>- Về phương án phát triển khu công nghiệp:</p> <p>+ Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung rà soát phương án phát triển các khu công nghiệp, bảo đảm danh mục các khu công nghiệp đã đáp ứng điều kiện tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP.</p> <p>+ Đề nghị rà soát, đảm bảo tính chính xác thông tin</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa	<p>+ Đã chỉnh sửa các nội dung theo kiến nghị của Bộ KH&amp;ĐT tại điểm mục 5 phần IV Điều 1 dự thảo Quyết định;</p> <p>+ Phương án phát triển các khu bảo tồn, di sản đã được trình bày tại điểm g, mục 5, Phần IV dự thảo Quyết định.</p>	



STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
	<p>về vị trí, quy mô diện tích KCN được thể hiện tại Danh mục thống nhất với thông tin thể hiện trên bản đồ; đặc biệt cần rà soát về vị trí, ranh giới hiện hữu của các KCN đã thành lập để đảm bảo đúng với quy hoạch phát triển các KCN đã được phê duyệt và các quyết định chủ trương đầu tư/thành lập đã ban hành, trong đó bao gồm các KCN thuộc KKT Định An .</p> <p>+ Đối với các Khu công nghiệp (KCN) dự kiến phát triển tại Khu kinh tế Định An trong trường hợp được bổ sung chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia và đáp ứng điều kiện về KCN theo quy định của pháp luật, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh bổ sung thuyết minh theo quy định khoản 4 Điều 4 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP.</p> <p>Đồng thời, tại Phụ lục số II kèm theo Dự thảo Quyết định có liệt kê Khu công nghiệp (KCN) dự kiến phát triển tại Khu kinh tế Định An trong trường hợp được bổ sung chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia và đáp ứng điều kiện về KCN theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, nội dung tại điểm b mục 5 Phần IV Điều 1 lại không nêu phương án phát triển cho khu công nghiệp này. Do vậy, đề nghị bổ sung nội dung này tại Điều 1, bảo đảm thống nhất với nội dung thuyết minh tại Báo cáo quy hoạch như đã được yêu cầu ở trên như sau:</p>			

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
	<p>“Nghiên cứu phát triển mới khu công nghiệp trong khu kinh tế ven biển Định An với tính chất đa chức năng gồm công nghiệp, đô thị và dịch vụ trong trường hợp được bổ sung chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia và đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về KCN.”.</p> <p>- Về phương án phát triển khu du lịch</p> <p>Đề nghị chỉnh lý điểm c mục 5 Phần IV như sau: “Phát triển các khu du lịch biển, du lịch di sản văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nghỉ dưỡng. Đến năm 2030, phấn đấu phát triển 06 khu du lịch trọng điểm, bao gồm:...”.</p> <p>- Về phương án phát triển các cụm công nghiệp, đề nghị bổ sung số lượng các cụm công nghiệp tính đến năm 2030.</p> <p>- Đề nghị chỉnh lý tiêu đề điểm d mục 5 Phần IV thành “Các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung”</p> <p>- Về phương án phát triển các khu chức năng khác, đề nghị bổ sung dự kiến huyện sẽ phát triển các khu này.</p> <p>- Đề nghị bổ sung phương án phát triển các khu bảo tồn, di sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch.</p>			

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
6	Về phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật			
	<p>- Về phương án phát triển mạng lưới điện, đề nghị:</p> <p>+ Rà soát Phụ lục IX bảo đảm phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023.</p> <p>Trong đó, đề nghị lưu ý nội dung sau: Ưu tiên, khuyến khích phát triển điện gió, điện mặt trời tự sản tự tiêu (trong đó có điện mặt trời mái nhà của người dân và mái công trình xây dựng, điện mặt trời tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, tiêu thụ tại chỗ, không đấu nối hoặc không bán điện vào lưới điện quốc gia). Đối với các dự án điện mặt trời đã được phê duyệt quy hoạch, đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư và giao chủ đầu tư sẽ được xem xét tiến độ cụ thể trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII theo quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về đầu tư và các quy định của pháp luật khác có liên quan, đảm bảo an ninh, cân đối các nguồn, phụ tải, phù hợp hạ tầng lưới điện, hiệu quả về kinh tế, giá điện và chi phí truyền tải hợp lý. Các dự án điện mặt trời đã có quy hoạch trong giai đoạn 2021 - 2030 nhưng chưa giao chủ đầu tư thì chưa</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa	Tiếp thu, đã điều chỉnh, bổ sung, chỉnh sửa các nội dung theo kiến nghị của Bộ KH&ĐT tại mục 2, phần V dự thảo Quyết định; Phụ lục VI kèm theo dự thảo Quyết định;	

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
	<p>được phép triển khai mà xem xét sau năm 2030, trừ trường hợp triển khai theo hình thức tự sản, tự tiêu trên cơ sở không hợp thức hóa nếu có vi phạm về quy hoạch, đất đai và các quy định khác của pháp luật (Phụ lục IV).</p> <p>+ Bộ mục IV tại Phụ lục VI. Dự án được UBND tỉnh thống nhất cho khảo sát và đăng ký vào Quy hoạch điện VIII. Nội dung này không thuộc phạm vi của quy hoạch tỉnh và sẽ được nghiên cứu, xem xét trong quá trình rà soát, đánh giá việc thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030.</p> <p>+ Bổ sung phương án phát triển lưới điện trung áp như sau:</p> <p>“- Cải tạo và xây dựng mới các nhánh chính, nhánh rẽ trung thế đảm bảo cấp điện cho các khu dân cư.</p> <p>- Đầu tư xây dựng các lộ ra cho các trạm 110 kV, tăng cường tiết điện và liên kết mạch vòng các tuyến trục trung thế để khai thác hiệu quả các trạm biến áp 110 kV.</p> <p>- Phát triển lưới điện cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các khu dân cư, đô thị, các cơ sở kinh tế - xã hội khác trên địa bàn tỉnh.”.</p> <p>- Về phương án phát triển phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, đề nghị nghiên cứu, chỉnh lý mục 6</p>		<p>Đã điều chỉnh tại mục 6, phần V dự thảo Quyết định.</p>	

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
	<p>Phần V Điều 1 như sau:</p> <p>“Xây dựng mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cấp tỉnh, cấp huyện, trong đó ưu tiên bố trí trụ sở các đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại các khu vực đô thị, các khu vực trọng điểm về phòng cháy và chữa cháy, đảm bảo mỗi đơn vị hành chính cấp huyện có tối thiểu 01 đội Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, công trình phục vụ ứng phó khẩn cấp, huấn luyện, chỉ huy điều hành, kiểm định phương tiện và nghiên cứu khoa học - công nghệ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ... đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chính quy, tinh nhuệ, hiện đại và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quy mô tính chất hoạt động của từng đơn vị.”</p>			
7	Về phương án phát triển hạ tầng xã hội			
	<p>- Về phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trợ giúp xã hội, đề nghị chỉnh lý như sau:</p> <p>+ Chỉnh lý tiêu đề mục 4 Phần VI như sau: “Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa	+ Đã bổ sung, chỉnh sửa các nội dung theo kiến nghị của Bộ KH&ĐT tại mục 4 phần VI dự thảo Quyết định và Phụ lục XI kèm theo;	

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
	<p>và trợ giúp xã hội”.</p> <p>+ Chính lý nội dung mục 4 Phần VI như sau: “Phần đầu đến năm 2030, toàn tỉnh dự kiến có khoảng 10 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trong đó có khoảng 09 cơ sở công lập.”.</p> <p>- Đề nghị bổ sung phụ lục chi tiết danh mục hệ thống kho xăng dầu, khí đốt cấp tỉnh.</p>		<p>+ Đã bổ sung tại phần D, Phụ lục XII kèm theo dự thảo Quyết định (danh mục mạng lưới chợ, siêu thị, trung tâm thương mại và hệ thống kho xăng dầu, khí đốt cấp tỉnh (theo góp ý của Bộ Công thương))</p>	
8	Về chỉ tiêu sử dụng đất tỉnh thời kỳ 2021- 2030			
	<p>Đề nghị rà soát đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu đã được phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg, thực hiện theo đúng chỉ đạo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Nghị quyết số 499/NQ-UBTVQH15 ngày 28 tháng 3 năm 2022 về hoạt động chất vấn tại phiên họp thứ 9 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 61/2022/QH15, bảo đảm thực hiện phương án sử dụng đất và khai thác đất một cách khả thi, hiệu quả, tiết kiệm nhất.</p> <p>Trường hợp cần điều chỉnh các chỉ tiêu sử dụng đất để bảo đảm yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương thời kỳ 2021-2030, đề nghị gửi Bộ Tài</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa	<p>+ Đã rà soát, chỉnh sửa các nội dung liên quan theo kiến nghị của Bộ KH&amp;ĐT tại mục VII Điều 1 dự thảo Quyết định và Phụ lục XIII;</p>	

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
	Nguyên và Môi trường và Văn phòng Chính phủ đề tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 360/CĐ-TTg ngày 02 tháng 5 năm 2023.			
9	Về phương án bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu			
	Về phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng, tài nguyên trên địa bàn tỉnh, đề nghị cơ quan tổ chức lập quy hoạch chịu trách nhiệm toàn diện về việc rà soát và đảm bảo không chồng chéo giữa khu vực khai thác khoáng sản với phương án phát triển các ngành khác.	Tiếp thu ý kiến	Đã rà soát các nội dung theo kiến nghị của Bộ KH&ĐT;	
10	Về Danh mục dự án ưu tiên đầu tư			
	<p>- Về các dự án được liệt kê tại danh mục:</p> <p>+ Rà soát toàn bộ Danh mục đảm bảo đúng tiêu chí ưu tiên đầu tư, phù hợp với quan điểm, các đột phá phát triển và định hướng phát triển các ngành quan trọng của tỉnh.</p> <p>+ Đề nghị không đưa vào Danh mục dự án của tỉnh những dự án đã được xác định và thuộc phạm vi của quy hoạch cấp quốc gia để tránh trùng lặp với nội dung quy hoạch cấp quốc gia.</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa	<p>+ Đã rà soát danh mục các dự án đầu tư phù hợp với các định hướng và phương án quy hoạch;</p> <p>+ Đối với các dự án thuộc phạm vi của quy hoạch cấp quốc gia: xin phép được bảo lưu theo kiến nghị của các bộ/ngành và tham khảo các quy hoạch đã được phê duyệt của các địa phương khác;</p>	

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
	<p>+ Đề nghị rà soát bảo đảm chỉ liệt kê các dự án cấp tỉnh, liên huyện. Các dự án cấp huyện sẽ được thể hiện ở quy hoạch xây dựng vùng huyện; quy hoạch đô thị; quy hoạch nông thôn để bảo đảm phù hợp với quy định về mức độ chi tiết của quy hoạch tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Quy hoạch; quy định về nội dung quy hoạch xây dựng khu chức năng; quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và bảo đảm sự linh hoạt trong quản lý, điều hành khi tổ chức thực hiện quy hoạch.</p> <p>+ Theo quy định tại khoản 3 Điều 59 Luật Quy hoạch, Dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy hoạch đã được công bố trước ngày Luật này có hiệu lực thì được thực hiện đến hết thời hạn của dự án đó theo quy định của pháp luật có liên quan. Do vậy, các dự án đã được phê duyệt; quyết định chủ trương đầu tư nếu không có sự thay đổi trong thời kỳ 2021-2030 sẽ không phải liệt kê vào danh mục dự án. Đồng thời, để bảo đảm phù hợp với các quy định của pháp luật về đầu tư, tăng cường tính công khai, minh bạch, không hợp pháp hóa các hành vi vi phạm pháp luật đầu tư, đề nghị danh mục dự án không xác định tên dự án, nhà đầu tư cụ thể.</p> <p>+ Không đưa vào danh mục dự án của các xã như: Hạ tầng nuôi trồng thủy sản các xã; cải tạo nhà bia</p>		<p>+ Đã rà soát các dự án thuộc cấp độ liên huyện và cấp cao hơn;</p> <p>+Dự án Tổ hợp Hydro Xanh đã được chuyển sang danh mục dự án ưu tiên thu hút đầu tư thuộc lĩnh vực công nghiệp hóa chất sử dụng nguồn điện tại chỗ (phần B, Phụ lục XV kèm theo dự thảo Quyết định).</p>	



STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
	<p>ghi tên liệt sĩ các xã; trường trung học cơ sở; dự án nâng cấp cơ sở hạ tầng các đô thị trên địa bàn tỉnh; thoát nước và xử lý nước thải thành phố.</p> <p>+ Xem xét đưa một số dự án vào quy hoạch khu kinh tế Định An: cảng khách thủy nội địa; hạ tầng kỹ thuật; khu kho ngoại quan; nhà máy trong khu kinh tế; hạ tầng kỹ thuật khu đô thị trong khu kinh tế để bảo đảm linh hoạt trong tổ chức thực hiện và không trùng lặp với nội dung của quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế.</p> <p>+ Không liệt kê cụ thể sản phẩm của các dự án như đậu phộng; các loại hoa quả; thịt heo; thịt bò; nghêu; tôm sinh thái; không ấn định quy mô; loại khách sạn (mục 5 và 6 Phần V) và chuyển sang quy hoạch đô thị của thành phố Trà Vinh... để bảo đảm linh hoạt trong tổ chức triển khai.</p> <p>+ Dự án Khu tổ hợp Hydro xanh Trà Vinh không phải dự án nhà máy điện. Vì vậy, đề nghị không đưa vào mục B phụ lục VI của dự thảo Quyết định phê duyệt (có thể nghiên cứu đưa vào định hướng/danh mục dự án phát triển năng lượng, dự án sản xuất hóa chất khuyến khích sử dụng nguồn điện tại chỗ, tự sản tự tiêu). Việc triển khai dự án cần xem xét, cân đối về việc cung ứng điện năng phục vụ sản xuất cũng như đánh giá nhu cầu tiêu thụ hydro cho năng lượng,</p>			

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
	<p>đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tổng thể năng lượng quốc gia và Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia.</p> <p>+ Rà soát thêm đối với 02 dự án trên Quốc lộ 53 về xây dựng tuyến tránh và dự án cải tạo nâng cấp quốc lộ.</p> <p>+ Bổ sung các dự án sau: Dự án công trình thủy lợi vùng Nam Măng Thít; Cảng cá Láng Chim tại thị xã Duyên Hải.</p> <p>+ Theo quy định tại Điều 61 Luật Giao thông đường bộ, việc thành lập cơ sở đào tạo và sát hạch lái xe không phải phù hợp với quy hoạch mà chỉ cần đáp ứng đủ điều kiện về lớp học, sân tập lái, xe tập lái, đội ngũ giáo viên, giáo trình, giáo án và phải được giấy cấp phép theo quy định do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành. Do vậy, đề nghị bỏ dự án tại mục 1 Phần VI. B của Danh mục.</p>			
11	<p>- Đề nghị bỏ nội dung “Ngoài danh mục chương trình, dự án kèm theo quyết định này, tùy theo yêu cầu phát triển trong từng giai đoạn và khả năng cân đối nguồn lực, cơ quan có thẩm quyền xem xét chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư các chương trình, dự án trong báo cáo tổng hợp quy hoạch và các phương án tích hợp vào quy hoạch nhưng phải đảm bảo phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển tổng</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa	Đã lược bỏ nội dung liên quan theo kiến nghị của Bộ KH&ĐT tại phần VII, Điều 1 dự thảo Quyết định.	

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
	<p>thể của tỉnh và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.” do quyết định phê duyệt quy hoạch không kèm theo báo cáo tổng hợp quy hoạch. Đồng thời, tại khoản 4 Điều 2 Dự thảo Quyết định đã có nội dung “4. Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các chương trình, dự án, đề án, bao gồm cả các dự án chưa được xác định trong Danh mục dự án ưu tiên đầu tư ban hành kèm theo Quyết định này, phải bảo đảm phù hợp với với yêu cầu thực tiễn phát triển của đất nước, vùng và địa phương, mục tiêu, định hướng, phương án phát triển đã được xác định tại Quyết định này và quy hoạch cao hơn có liên quan (nếu có).”.</p>			
<b>II</b>	<b>BỘ CÔNG THƯƠNG (Công văn số 4978/BCT-KHTC ngày 28/7/2023)</b>			
1	<p>- Hiện nay các quy hoạch ngành quốc gia thuộc lĩnh vực công thương (Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia; Quy hoạch phát tổng thể năng lượng quốc gia; Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia; Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng các loại khoáng sản) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đề nghị Cơ quan lập quy hoạch, Cơ quan tư vấn rà soát, đối chiếu đảm bảo thống nhất, đồng thời cập nhật các phương án phát triển hạ tầng cấp điện, năng lượng, hạ tầng dự trữ xăng dầu, khí đốt cấp quốc gia trên địa bàn Tỉnh</p>	Tiếp thu ý kiến	Đã rà soát, đối chiếu và đảm bảo tính phù hợp với các quy hoạch ngành quốc gia liên quan	

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
	trong các quy hoạch quốc gia để bố trí quỹ đất và triển khai thực hiện đồng bộ.			
2	- Đề nghị rà soát, đảm bảo các nội dung quy hoạch đã được xây dựng trong Báo cáo tổng hợp được biên tập đầy đủ phù hợp trong dự thảo Quyết định phê duyệt để làm căn cứ triển khai thực hiện sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và đảm bảo yêu cầu về phân bố không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng (trong đó có hạ tầng cấp điện; hạ tầng công nghiệp, hạ tầng thương mại, hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt) theo Luật Quy hoạch.	Bảo lưu	Về mức độ toàn diện và chi tiết của Dự thảo Quyết định, Bộ KH&ĐT đã có rà soát trực tiếp (theo hướng không đưa các nội dung quá chi tiết, thuộc thẩm quyền và trách nhiệm triển khai của UBND tỉnh vào Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ). Các nội dung trong dự thảo Quyết định của TTg đã được Bộ KH&ĐT rà soát.	
3	- Đề nghị sửa tiêu đề khoản 6 Mục VI của dự thảo Quyết định phê duyệt thành “Phương án phát triển hạ tầng thương mại”; bổ sung phụ lục chi tiết danh mục hệ thống chợ, trung tâm thương mại, siêu thị, trung tâm hội chợ triển lãm, trung tâm logistics, hệ thống kho xăng dầu, khí đốt cấp tỉnh (có quy mô, địa điểm cụ thể để có cơ sở triển khai các bước sau quy hoạch).	Tiếp thu và bổ sung, chỉnh sửa	Đã chỉnh sửa tiêu mục 6, phần VI dự thảo Quyết định. Đã bổ sung phụ lục liên quan (Phụ lục XII kèm theo Dự thảo Quyết định)	
4	- Đối với phương án phát triển cụm công nghiệp tại Phụ lục III của dự thảo Quyết định phê duyệt, đề nghị bổ sung dự kiến ngành nghề/tính chất cụm công nghiệp (như đã nêu trong Báo cáo thuyết minh) để	Bảo lưu	Về mức độ toàn diện và chi tiết của Dự thảo Quyết định, Bộ KH&ĐT đã có rà soát trực tiếp (theo hướng không đưa các nội dung quá chi tiết, thuộc	

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
	thuận lợi trong thu hút đầu tư.		thẩm quyền và trách nhiệm triển khai của UBND tỉnh vào Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ).	
5	<p>- Đối với danh mục các dự án phát triển điện lực (nguồn điện, nhà máy điện, trạm biến áp, đường dây) nêu tại Phụ lục VI dự thảo Quyết định phê duyệt đề nghị rà soát, đối chiếu để phù hợp với Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>	Tiếp thu, giải trình	<p>Tỉnh Trà Vinh đã cập nhật đầy đủ công suất, quy mô nguồn, trạm và đường dây đảm bảo phù hợp với Quy hoạch điện VIII. Tuy nhiên, tỉnh Trà Vinh còn nhiều tiềm năng phát triển điện năng lượng tái tạo khoảng 46.505MW. Để đảm bảo mục tiêu đưa tỉnh Trà Vinh phát triển trong nhóm đầu các tỉnh khu vực Đồng bằng sông Cửu Long theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020 – 2025), trong đó phấn đấu đến năm 2025, Trà Vinh trở thành một trong những Trung tâm năng lượng của vùng đồng bằng sông Cửu Long, do vậy tỉnh đề xuất đưa vào Phụ lục VI danh mục các khu vực có tiềm năng phát triển điện năng lượng tái tạo với tổng công suất 14.452MW. Tỉnh Trà Vinh rất mong được Thủ tướng Chính phủ ủng hộ, xem xét và chấp thuận.</p>	

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
6	<p>- Dự án Khu tổ hợp Hydro xanh Trà Vinh không phải dự án nhà máy điện. Vì vậy, đề nghị không đưa vào mục B phụ lục VI của dự thảo Quyết định phê duyệt (có thể nghiên cứu đưa vào định hướng/danh mục dự án phát triển năng lượng, dự án sản xuất hóa chất khuyến khích sử dụng nguồn điện tại chỗ, tự sản tự tiêu). Việc triển khai dự án cần xem xét, cân đối về việc cung ứng điện năng phục vụ sản xuất cũng như đánh giá nhu cầu tiêu thụ hydro cho năng lượng, đảm bảo phù hợp với Quy hoạch năng lượng quốc gia và Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia).</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa	Đã chuyển dự án này khỏi danh mục nhà máy điện và chuyển sang mục II, phần B Phụ lục XV kèm theo dự thảo Quyết định.	
<b>III</b>	<b>BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI</b> (Công văn số 8093 /BGTVT-KHĐT ngày 27/7/2023)			
1	<p>- Về căn cứ pháp lý đề nghị bổ sung Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 07/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>	Tiếp thu, chỉnh sửa	Đã bổ sung vào Báo cáo tổng hợp tại khoản 3.4.2, mục 3 Căn cứ lập Quy hoạch (Phần Mở đầu)	
2	<p>- Đã bổ sung kết quả dự báo nhu cầu vận tải, tuy nhiên số liệu mới chỉ thể hiện tổng nhu cầu trên địa bàn, chưa thể hiện số liệu phân bổ cho các phương thức vận tải, các tuyến luồng cụ thể. Đề nghị UBND tỉnh Trà Vinh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của Tỉnh thực hiện rà soát, bổ sung kết quả dự báo nhu cầu vận tải đối với từng tuyến, luồng cụ thể làm cơ</p>	Tiếp thu, chỉnh sửa	Đã bổ sung vào Báo cáo tổng hợp tại khoản 4.1, mục IV, Phần V.	

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
	sở cho việc xác định quy mô quy hoạch và sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư các dự án trên địa bàn.			
3	<p>- Đã cơ bản hoàn thiện nội dung về cập nhật quy hoạch mạng lưới đường bộ theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ, theo đó: (i) Đầu tư tuyến Cao tốc Hồng Ngự - Trà Vinh (CT.36) đoạn qua địa bàn tỉnh trong giai đoạn sau năm 2030 với điểm đầu là ranh tỉnh Vĩnh Long và điểm cuối là cảng Định An, đề nghị thể hiện lại hướng tuyến trên bản đồ để bảo đảm tính thống nhất với thuyết minh quy hoạch; (ii) Về hướng tuyến đã thể hiện trên bản đồ của Quốc lộ 60; Quốc lộ 53; Quốc lộ 54 và Cao tốc Thành phố HCM - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng (CT.33), đề nghị thể hiện rõ phương án tuyến Quốc lộ 60 mới và tuyến Cao tốc Thành phố HCM - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh đi song hành tại khu vực cầu Đại Ngãi và đường dẫn đầu cầu.</p>	Tiếp thu, chỉnh sửa	Đã rà soát và chỉnh sửa hướng tuyến trên Bản đồ quy hoạch.	
4	<p>- Theo khoản 4 Mục IV Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Đường ven biển có tổng chiều dài khoảng 3.034 km, quy mô tối thiểu đường cấp III, IV, hướng tuyến các đoạn không đi trùng quốc lộ, cao tốc được quyết định trong quy</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa	Đã rà soát và hiệu chỉnh tại điểm 4.1.3, mục IV, phần V Báo cáo tổng hợp.	

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
	<p>hoạch tỉnh; các đoạn đi trùng quốc lộ theo quy mô quốc lộ; các đoạn còn lại theo quy hoạch tỉnh. Hiện nay, Hồ sơ quy hoạch tỉnh Trà Vinh vẫn đang thuyết minh hướng tuyến đường bộ ven biển theo Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 18/1/2010 và văn bản số 2409/TTg-KTN ngày 31/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ và bản đồ thể hiện có thêm tuyến “Đường hành lang ven biển”. Do vậy, đề nghị UBND tỉnh Trà Vinh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của Tỉnh thực hiện rà soát, hiệu chỉnh để bảo đảm tính thống nhất giữa quy hoạch các cấp.</p>			
5	<p>- Đã bổ sung cơ bản đầy đủ các nội dung theo yêu cầu tại Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ về ban hành danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. Đề nghị UBND tỉnh Trà Vinh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của Tỉnh rà soát thêm về mức độ chi tiết đối với một số nội dung tích hợp để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình triển khai quy hoạch Tỉnh.</p>	Tiếp thu, giải trình	Về mức độ toàn diện và chi tiết của Dự thảo Quyết định, Bộ KH&ĐT đã có rà soát trực tiếp (theo hướng không đưa các nội dung quá chi tiết, thuộc thẩm quyền và trách nhiệm triển khai của UBND tỉnh vào Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ).	
6	<p>- Về danh mục dự án ưu tiên đầu tư, đã rà soát cơ bản bảo đảm chỉ đưa vào danh mục các dự án đầu tư từ nguồn vốn địa phương để tránh trùng lặp với các dự án đầu tư từ nguồn ngân sách Trung ương, đề nghị rà soát thêm đối với 02 dự án trên Quốc lộ 53 (<i>Danh</i></p>	Tiếp thu, giải trình	Đã rà soát theo ý kiến đóng góp, đảm bảo không trùng lặp.	



STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
	<i>mục số 40 và số 41 đề xuất các dự án: (i) QL.53 (xây mới tuyến tránh TP Trà Vinh); (ii) QL.53 (Nâng cấp mở rộng)) về quy hoạch xây dựng tuyến tránh và dự án cải tạo nâng cấp quốc lộ.</i>			
<b>IV</b>	<b>BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b> (Công văn số 4961/BNN – KH ngày 26/7/2023)			
1	Về mục tiêu phát triển tại dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: + Đề nghị bổ sung tốc độ tăng trưởng bình quân GRDP nông nghiệp trong giai đoạn 2021-2030.	Tiếp thu và chỉnh sửa	Đã bổ sung tốc độ tăng trưởng bình quân của các ngành tại điểm b, mục 2, phần II Điều 1 dự thảo Quyết định.	
	+ Đề nghị tham khảo quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 để bổ sung các mục tiêu xây dựng nông thôn mới của tỉnh phù hợp với tình hình chung của vùng và của cả nước.	Tiếp thu và giải trình	Đơn vị xây dựng quy hoạch tỉnh đã tham khảo quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và đưa ra các mục tiêu phát triển nông thôn mới như tại điểm 1.4.2.1, mục I, Phần V Báo cáo tổng hợp.	
2	± Danh mục dự án ưu tiên tại Phụ lục VIV dự thảo Quyết định đề nghị bổ sung các dự án nông nghiệp, nông thôn ưu tiên thực hiện đầu tư trong thời kỳ quy	Tiếp thu và chỉnh sửa	Đã bổ sung các dự án nông nghiệp tại phần IV, phần A Phụ lục XV kèm theo dự thảo Quyết định.	

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
	<p>hoạch:</p> <p>+ Dự án Công trình thủy lợi vùng Nam Măng Thít</p> <p>+ Cảng cá Láng Chim tại thị xã Duyên Hải.</p>			
3	<p>- Đề nghị tỉnh Trà Vinh rà soát để đồng bộ, thống nhất về định hướng giữa các quy hoạch, cụ thể:</p> <p>+ Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14/7/2023.</p>	Tiếp thu ý kiến	Đã rà soát và hiệu chỉnh thống nhất với Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.	
4	+ Dự thảo các quy hoạch: Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Tiếp thu ý kiến và giải trình	Đơn vị tư vấn đã nghiên cứu kỹ Dự thảo các quy hoạch trong quá trình lập quy hoạch tỉnh.	
V	<b>BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (Công văn số 6376/BTNMT – KHTC ngày 8/8/2023)</b>			
1	<p><b>Đối với lĩnh vực tài nguyên nước :</b></p> <p>- Trong Dự thảo Báo cáo tổng hợp: về cơ bản những nội dung góp ý đã được UBND tỉnh Trà Vinh tiếp thu, hoàn thiện. Tuy nhiên, còn một số nội dung chưa được làm rõ, cụ thể như: hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước; các vấn đề nổi cộm về tài</p>	Tiếp thu, bổ sung và chỉnh sửa	<p>- Hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước: Quy hoạch tỉnh đã bổ sung tại các điểm a và b, khoản 1.3.3, mục 1.3, Phần I Báo cáo tổng hợp.</p> <p>- Các vấn đề nổi cộm về tài nguyên nước cần giải quyết trong kỳ quy</p>	

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
	<p>nguyên nước cần giải quyết trong kỳ quy hoạch; các vấn đề mâu thuẫn trong khai thác tài nguyên nước giữa các ngành; xác định các nguồn nước dự phòng để cấp nước sinh hoạt; công trình cấp nước, cống, trạm bơm có nhiệm vụ điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước trong kỳ quy hoạch.... Vì vậy, đề nghị đơn vị thực hiện quy hoạch tiếp tục rà soát, bổ sung, chỉnh sửa báo cáo theo nội dung góp ý của các văn bản nêu trên.</p>		<p>hoạch: Quy hoạch tỉnh đã bổ sung tại điểm c, khoản 1.3.3, mục 1.3, Phần I Báo cáo tổng hợp.</p> <p>- Các vấn đề mâu thuẫn trong khai thác tài nguyên nước giữa các ngành: Quy hoạch tỉnh đã bổ sung tại điểm c, khoản 1.3.3, mục 1.3, Phần I Báo cáo tổng hợp.</p> <p>- Công trình cấp nước, cống, trạm bơm có nhiệm vụ điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước trong kỳ quy hoạch: nội dung này đã được thể hiện tại điểm 2.4.4.2, khoản 2.4.4, mục 2.4, Phần II Báo cáo tổng hợp.</p>	
2	<p>- Trong Dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch:</p> <p>+ Về quan điểm phát triển: đề nghị thể hiện rõ để hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh gắn với khả năng nguồn nước, bảo vệ tài nguyên nước, không vượt quá ngưỡng khai thác đối với các tầng chứa nước và có các biện pháp bảo đảm đời sống dân cư theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa	Đã bổ sung thêm ý này vào điểm b, mục 1, phần II Điều 1 dự thảo Quyết định.	

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
	hoạch, đảm bảo phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước.			
3	+ Về phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra: để đảm bảo tính thực thi của quy hoạch cũng như có đầy đủ căn cứ, công cụ triển khai công tác quản lý tài nguyên nước ở địa phương, phương án cần bổ sung đầy đủ, cụ thể các nội dung quy định về chức năng nguồn nước; lượng nước có thể khai thác, sử dụng; nhu cầu khai thác, sử dụng nước; lượng nước phân bổ cho các đối tượng khai thác, sử dụng; nguồn nước dự phòng cấp nước cho sinh hoạt; các công trình điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước; mạng giám sát tài nguyên nước, giám sát khai thác, sử dụng nước, chất lượng nước để làm căn cứ thực hiện phân bổ nguồn nước, bảo vệ tài nguyên nước và phòng chống các tác hại do nước gây ra.	Tiếp thu và giải trình	Mức độ chi tiết, cụ thể của các phương án đã được Bộ KH&ĐT trực tiếp rà soát, đảm bảo phù hợp với yêu cầu của một Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.  Tỉnh Trà Vinh sẽ có trách nhiệm cụ thể hóa (theo Báo cáo quy hoạch) trong quá trình triển khai thực hiện	
4	<b>Đối với lĩnh vực môi trường</b> - Sau khi rà soát nội dung, báo cáo chưa làm rõ một số ý kiến tại Công văn số 4361/BTNMT-KHTC ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc rà soát hồ sơ, tài liệu quy hoạch tỉnh Trà Vinh và báo cáo đánh giá môi trường chiến lược	Tiếp thu và bổ sung	1. Tiếp thu và bổ sung tại tiểu mục “2/ Hạ tầng quy hoạch các nhà máy, khu xử liên hợp xử lý chất thải liên huyện” tại khoản 4.6, mục IV, Phần V Báo cáo tổng hợp; 2. Tiếp thu và bổ sung tại tiểu mục	

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
	<p>đã được bổ sung, hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng thẩm định, cụ thể: (1) Sự liên kết của các khu xử lý chất thải nguy hại trong quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã được phê duyệt tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ; (2) Nội dung, giải pháp cải tạo phục hồi môi trường các bãi chôn lấp không hợp vệ sinh, các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đã đóng cửa. Do vậy, đề nghị báo cáo hoàn thiện các nội dung tên theo ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 4361/BTNMT-KHTC.</p>		<p>“4/Giải pháp cải tạo phục hồi môi trường các bãi chôn lấp không hợp vệ sinh, các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đã đóng cửa” tại khoản 4.6, mục IV, Phần V Báo cáo tổng hợp;</p>	
5	<p>- Về phân vùng môi trường cần xác định cụ thể nguồn nước mặt sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt trên sông Hậu, sông Cổ Chiên và phương án bảo vệ môi trường cho các đối tượng nhạy cảm về môi trường như: nội thành, nội thị của đô thị, nguồn nước mặt dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, khu bảo tồn thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa.</p>	<p>Tiếp thu và bổ sung</p>	<p>- Tiếp thu và bổ sung nội dung nguồn nước mặt sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt tại điểm 1.3.2.b, mục I, Phần VI Báo cáo tổng hợp. - Tiếp thu và bổ sung nội dung Phương án bảo vệ môi trường tại các vùng môi trường tại điểm 1.3.3, mục I, Phần VI Báo cáo tổng hợp..</p>	
6	<p>- Phương án và lộ trình xử lý chất thải nêu trong dự thảo Quy hoạch chủ yếu tập trung xây dựng các lò đốt chất thải sinh hoạt, đề nghị rà soát phương án này trên cơ sở tuân thủ QCVN 61- MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn</p>	<p>Tiếp thu và bảo lưu, giải trình</p>	<p>Xin bảo lưu ý kiến vì: - Công nghệ đốt thu hồi năng lượng là một trong những công nghệ phù hợp với xu thế; - Hiện nay khối lượng chất thải rắn</p>	

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
	sinh hoạt và có những nghiên cứu, đề xuất các định hướng và phương án phân loại và tái chế chất thải rắn sinh hoạt.		<p>sinh hoạt của tỉnh Trà Vinh tại nhiều bãi rác chôn lấp tồn đọng lớn.</p> <p>- Trước khi chất thải rắn được thu gom về cơ sở xử lý tập trung đã được thực hiện phân loại và tái chế. Việc hiện phân loại và tái chế chất thải rắn đã được bổ sung vào mục quan điểm xử lý chất thải rắn.</p> <p>- Đối với chất thải rắn công nghiệp phát sinh trên địa bàn tỉnh chủ yếu là tro, xỉ của các nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải, các nhà máy đã ký hợp đồng mua bán tro xỉ với các doanh nghiệp thu mua tái chế.</p>	
7	<p><b><i>Đối với lĩnh vực biển và hải đảo</i></b></p> <p>- Tại Công văn số 4361/BTNMT-KHTC ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc rà soát hồ sơ, tài liệu quy hoạch tỉnh Trà Vinh và Báo cáo ĐMC đã được bổ sung, hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng thẩm định, đối với nội dung liên quan đến lĩnh vực biển, hải đảo, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có ý kiến đề nghị đối với cơ quan lập Quy hoạch tỉnh Trà Vinh, tuy nhiên nội dung này vẫn chưa được tiếp thu, giải trình bổ sung</p>	Tiếp thu và bổ sung	Đã hiệu chỉnh các nội dung theo góp ý trong Báo cáo thuyết minh tổng hợp tại mục 2.7, phần II.	

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
	trong hồ sơ, tài liệu trình phê duyệt quy hoạch tỉnh Trà Vinh. Đề nghị cơ quan lập quy hoạch tiếp thu đầy đủ ý kiến góp ý tại Công văn Công văn số 4361/BTNMT-KHTC nêu trên.			
8	- Phần căn cứ lập Quy hoạch tỉnh Trà Vinh, đề nghị bổ sung văn bản pháp lý hiện hành liên quan đến tài nguyên biển, hải đảo: Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Tiếp thu và bổ sung	Đã bổ sung căn cứ theo ý kiến đóng góp tại khoản 3.4, mục 3, Phần Mở đầu Báo cáo tổng hợp	
9	<b><i>Đối với lĩnh vực đo đạc bản đồ</i></b> Đơn vị lập quy hoạch ghi giải trình tiếp thu trong Báo cáo tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp (bổ sung). Tuy nhiên hệ thống bản đồ quy hoạch vẫn chưa ghi nguồn gốc bản đồ nên rõ ràng để đảm bảo tính pháp lý theo quy định tại Điều 41 Luật Quy hoạch cũng như khoản 1 Điều 47 và điểm b khoản 5 Điều 41 của Luật Đo đạc và bản đồ.	Tiếp thu và chỉnh sửa	Đã bổ sung nguồn gốc bản đồ theo yêu cầu	
10	<b><i>Một số ý kiến khác về dự thảo Quyết định của Thủ tướng</i></b> Chính phủ phê duyệt tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: Qua nghiên cứu, rà soát, đề nghị cơ quan soạn thảo	Tiếp thu và chỉnh sửa	Đã chỉnh sửa tại phần căn cứ pháp lý của dự thảo Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ	

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
	<p>rà soát lại toàn bộ để điều chỉnh chính xác tên văn bản, cơ quan ban hành của một số văn bản được sử dụng làm căn cứ để ban hành Quyết định. Cụ thể: đề nghị điều chỉnh “Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 18 tháng 06 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 04 năm 2022...” thành “Căn cứ Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18 tháng 06 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 04 năm 2022...”; điều chỉnh “Căn cứ Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050” thành “Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”.</p>			
VI	<b>BỘ NỘI VỤ</b> (Công văn số 4851/BNV-CQĐP ngày 28/8/2023)			
1	<p>Về phương án quy hoạch đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã: Căn cứ Công điện số 616/CĐ-TTg ngày 04/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về rà soát, hoàn thiện các quy hoạch để thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030, đề nghị UBND tỉnh Trà Vinh bổ sung dự kiến</p>	Tiếp thu, giải trình	<p>- Có bổ sung nội dung phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ (tại công văn số 3501/BNV-CQĐP ngày 06/7/2023) tại mục 1 phần IV Điều 1 dự thảo Quyết định. Phạm vi ranh giới cụ</p>	



STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
	<p>phương án cụ thể về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 vào dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.</p>		<p>thể của từng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã phải sắp xếp thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.</p> <p>- Chủ trương của Thường trực Tỉnh ủy tỉnh Trà Vinh (tại Thông báo số 1941-TB/VPTU ngày 27/7/2023 của Văn phòng Tỉnh ủy), trong giai đoạn 2023 – 2030 tỉnh không sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, lý do: Đơn vị hành chính cấp huyện đủ 02 tiêu chí về diện tích tự nhiên và quy mô dân số; đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã (<i>chưa đáp ứng tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số</i>) xét yếu tố đặc thù (<i>04 phường đã phát triển ổn định từ lâu và 02 xã đã được sắp xếp giai đoạn trước</i>), đồng thời hiện nay các đơn vị hành chính cấp xã này phát huy hiệu quả tốt, tình hình kinh tế, văn hoá, xã hội phát triển ổn định, hoạt động hiệu quả, nên không sắp xếp, sáp nhập. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục rà</p>	

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
			soát, xây dựng Phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030, trong đó sẽ đề xuất giữ nguyên hiện trạng các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, trình Bộ Nội vụ xem xét, thẩm định. Vì vậy, trong Quy hoạch tỉnh không bổ sung chi tiết nội dung sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. <i>(chi tiết thuyết minh tại mục 1.1 phần V Báo cáo tổng hợp)</i>	
2	<p><b>Về căn cứ lập quy hoạch (Phần mở đầu Báo cáo tổng hợp):</b> Đề nghị bổ sung các văn bản:</p> <p>(1) Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030;</p> <p>(2) Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính (sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022);</p> <p>(3) Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân</p>	Tiếp thu, và chỉnh sửa	Đã bổ sung tại mục 3.1 phần căn cứ lập Quy hoạch trong Báo cáo tổng hợp.	

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
	<p>loại đô thị (sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022);</p> <p>(4) Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030</p>			
<b>VII</b>	<b>BỘ XÂY DỰNG (Công văn số 4178/BXD-QHKT ngày 19/9/2023)</b>			
1	<p>Ngày 12/7/2023, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030. Theo văn bản số 1941-TB/VPTU ngày 27/7/2023 thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy Trà Vinh, trong giai đoạn 2023-2030, tỉnh Trà Vinh không sắp xếp, sát nhập đơn vị hành chính đối với cấp huyện, cấp xã, với lý do: Đơn vị hành chính cấp huyện đủ 02 tiêu chí về diện tích tự nhiên và quy mô dân số; đối với cấp xã (06 xã), tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển ổn định, hoạt động hiệu quả. Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh chịu trách nhiệm bảo đảm tính khả thi, chính xác về số liệu và các đề xuất sắp xếp giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030 trong Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Để có cơ sở triển khai xây dựng các phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo giai đoạn 2023-2025 và giai đoạn 2026-2030,</p>	Tiếp thu, giải trình	<p>- Trong dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (tại mục 1 phần IV Điều 1), tình có bổ sung nội dung phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ (tại công văn số 3501/BNV-CQĐP ngày 06/7/2023). Phạm vi ranh giới cụ thể của từng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã phải sắp xếp thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.</p> <p>- Chủ trương của Thường trực Tỉnh ủy tỉnh Trà Vinh (tại Thông báo số 1941-TB/VPTU ngày 27/7/2023 của Văn phòng Tỉnh ủy), trong giai đoạn 2023 – 2030 tỉnh không sắp xếp, sát nhập đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, lý do: Đơn vị hành chính cấp huyện đủ</p>	

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
	<p>Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh cần tiếp tục rà soát, đảm bảo các quy định tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 và nội dung chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 616/CE-TTg ngày 04/7/2023.</p>		<p>02 tiêu chí về diện tích tự nhiên và quy mô dân số; đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã (<i>chưa đáp ứng tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số</i>) xét yếu tố đặc thù (<i>04 phường đã phát triển ổn định từ lâu và 02 xã đã được sắp xếp giai đoạn trước</i>), đồng thời hiện nay các đơn vị hành chính cấp xã này phát huy hiệu quả tốt, tình hình kinh tế, văn hoá, xã hội phát triển ổn định, hoạt động hiệu quả, nên không sắp xếp, sáp nhập. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục rà soát, xây dựng Phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030, trong đó sẽ đề xuất giữ nguyên hiện trạng các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, trình Bộ Nội vụ xem xét, thẩm định. Vì vậy, trong Quy hoạch tỉnh không bổ sung chi tiết nội dung sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. (<i>chi tiết thuyết minh tại mục 1.1 phần V Báo cáo tổng hợp</i>). Ủy ban</p>	

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
			nhân dân tỉnh Trà Vinh xin cam kết tính khả thi, chính xác về số liệu và các đề xuất sắp xếp giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030 trong Quy hoạch tỉnh.	
2	<p>Ngày 09/8/2023, Bộ Xây dựng đã có văn bản số 3572/BXD-PTĐT gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn rà soát quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, đánh giá phân loại đô thị để thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính đô thị cấp huyện, cấp xã. Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh cần nghiên cứu, tổ chức thực hiện để triển khai Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 theo chỉ đạo của Quốc hội. Thời gian qua, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh đã tổ chức lập quy hoạch chung thành phố Trà Vinh (mở rộng) đến năm 2040 (viết tắt là Đồ án), bao gồm địa bàn toàn bộ thành phố Trà Vinh hiện hữu và một phần diện tích thuộc các huyện Châu Thành, Càng Long; Bộ Xây dựng đã có ý kiến với Đồ án tại văn bản số 3722/BXD-QHKT ngày 17/8/2023. UBND tỉnh Trà Vinh cần rà soát quy hoạch tỉnh Trà Vinh để bảo đảm thống nhất giữa nội dung Thông báo 1941-TB/VPTU với quy hoạch thành phố Trà Vinh mở rộng.</p>	Tiếp thu, giải trình	<p>Đồ án quy hoạch chung thành phố Trà Vinh (mở rộng), đến năm 2045 được định hướng phát triển không gian và tiêu chuẩn đô thị loại II trên cơ sở định hướng phát triển tại Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đảm bảo tính thống nhất với Quy hoạch tỉnh và phù hợp với phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh Trà Vinh.</p>	
VIII	<b>GIẢI TRÌNH PHỤ LỤC KÈM THEO QUYẾT</b>			

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
	<b>ĐỊNH PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH TỈNH</b>			
	Đối với Phụ lục XIV (Phương án quy hoạch thăm dò, khai thác cát ven biển tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030)		Quy hoạch thăm dò, khai thác cát ven biển có tổng trữ lượng khá lớn (174.367.700m <sup>3</sup> ). Theo quy hoạch, thời kỳ 2021 – 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh có 04 Khu công nghiệp (KCN Long Đức, KCN Cổ Chiên, KCN Cầu Quan và các KCN trong Khu Kinh tế Định An), Khu Kinh tế Định An được quy hoạch là 1 trong 18 Khu Công nghiệp ven biển. Đồng thời, hiện nay tỉnh đang triển khai thủ tục đầu tư tuyến đường hành lang ven biển (kết nối các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long) thuộc chương trình DPO; phối hợp với Trung ương đầu tư đường dẫn vào cầu Đại Ngãi, Quốc lộ 53B và Quốc lộ 53 (đoạn Long Hồ - Ba Si). Bên cạnh đó, theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/09/2021, tỉnh Trà Vinh có 02 tuyến Quốc lộ đi qua là: (1) Cao tốc TP Hồ	

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu	Nội dung giải trình	Ghi chú
			<p>Chí Minh – Tiền Giang – Bến Tre – Trà Vinh – Sóc Trăng (CT.33) và (2) Cao tốc Hồng Ngự – Trà Vinh (CT.36). Do đó, để phát triển các KCN, KKT, xây dựng các tuyến đường giao thông trọng điểm, các tuyến cao tốc, cần phải quy hoạch thăm dò, khai thác cát ven biển với trữ lượng đủ lớn để đáp ứng nhu cầu. Tỉnh Trà Vinh rất mong được Thủ tướng Chính phủ ủng hộ, xem xét và chấp thuận.</p>	



**Phụ lục II**

**TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN ĐÓNG GÓP ĐỐI VỚI BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG  
CHIẾN LƯỢC CỦA QUY HOẠCH TỈNH TRÀ VINH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050  
THEO CÔNG VĂN SỐ 6376/BTNMT-KHHC NGÀY 08/8/2023 CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
(Kèm theo Tờ trình số: 4215/TTr-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)**

TT	Yêu cầu chỉnh sửa/bổ sung	Giải trình	Số trang tại báo cáo
1	<p>Phạm vi không gian thực hiện ĐMC của Quy hoạch vẫn chưa có những phân tích mối liên hệ qua lại về phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường của tỉnh Trà Vinh với các tỉnh, thành phố thuộc Đồng bằng sông Cửu Long để xác định những vùng lãnh thổ có khả năng chịu tác động bởi việc thực hiện Quy hoạch. Việc luận giải Quy hoạch không nêu rõ các định hướng cụ thể đến năm 2050 và chưa đủ cơ sở về số liệu để dự báo chi tiết diễn biến các vấn đề môi trường chính đến năm 2050 là không thỏa đáng đặc biệt là khi báo cáo ĐMC đã có đánh giá sự phù hợp của quan điểm, mục tiêu của Quy hoạch với quan điểm và mục tiêu về bảo vệ môi trường của các Chiến lược quốc gia có tầm nhìn đến năm 2050.</p>	<p>Đã điều chỉnh, cập nhật theo góp ý</p>	<p>71, 72, 176 báo cáo ĐMC</p>



TT	Yêu cầu chỉnh sửa/bổ sung	Giải trình	Số trang tại báo cáo
2	<p>Báo cáo ĐMC đưa ra 06 vấn đề môi trường chính liên quan đến Quy hoạch bao gồm: (1) Suy giảm trữ lượng nước và ô nhiễm môi trường nước; (2) Gia tăng rủi ro do tai biến thiên nhiên, sự cố môi trường và biến đổi khí hậu; (3) Suy thoái môi trường do gia tăng chất thải rắn; (4) Suy giảm đa dạng sinh học; (5) Ô nhiễm môi trường không khí; (6) Ô nhiễm và suy thoái môi trường đất. Tuy nhiên các thông số về hiện trạng và diễn biến môi trường đất, nước, không khí được đưa ra cơ bản nằm trong ngưỡng giới hạn, không có dấu hiệu ô nhiễm diện rộng và trong nội dung của Quy hoạch tỉnh đã được tích hợp các định hướng và phương án xử lý nước thải, chất thải rắn, bảo vệ môi trường. Vì vậy, cần rà soát lại và cân nhắc lựa chọn các vấn đề ô nhiễm này làm vấn đề môi trường chính.</p>	<p>Các vấn đề môi trường chính đã được điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến các chuyên gia trong các lần Hội thảo góp ý, hội đồng nghiệm thu...</p> <p>Vấn đề môi trường chính được luận giải và phân tích, lựa chọn theo hiện trạng và xu thế diễn biến môi trường theo quy hoạch</p>	182, 183 Báo cáo ĐMC
3	<p>Đề nghị rà soát lại các vấn đề môi trường chính, từ đó đưa ra nội dung về giải pháp, định hướng và chương trình quản lý trên cơ sở bám sát các vấn đề môi trường chính và thứ tự ưu tiên đã được lựa chọn.</p>	Đã rà soát và bổ sung	Chương 4 Báo cáo ĐMC
4	<p>Các đề xuất, kiến nghị từ quá trình ĐMC để điều chỉnh các nội dung của Quy hoạch cần được xác định dựa trên các vấn đề môi trường chính đã được lựa chọn và trên cơ sở các giải pháp, định hướng, chương trình quản lý và giám sát môi trường được xác lập trong quá trình thực hiện ĐMC</p>	Đã rà soát, bổ sung theo góp ý	296 – 310 Báo cáo ĐMC